|  |  |
| --- | --- |
| |  | | --- | | **CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP GỖ THANH CHƯƠNG**  **NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG HUYỆN THANH CHƯƠNG SỐ 2**  **------------o0o------------** |   **BÁO CÁO**  **ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO (HCVs) CHO NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG HUYỆN THANH CHƯƠNG SỐ 2 TỈNH NGHỆ AN**  **Chuyên gia đánh giá:**  Ths. Nguyễn Thế Cường, Kỹ sư. Lê Hữu Oánh, Kỹ sư. Lê Đình Duy, TS. Lê Thiện Đức  **Cùng với sự hỗ trợ tại hiện trường của:**  Lê Phùng Diệu, Nguyễn Thọ Văn, Nguyễn Trần Tình, Nguyễn Xuân Hoan – Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương  **Ngày 17, tháng 03 năm 2024** |

**MỤC LỤC**

[TỪ VIẾT TẮT ii](#_Toc161593939)

[LỜI CẢM ƠN iii](#_Toc161593940)

[TÓM TẮT iv](#_Toc161593941)

[1. TỔNG QUAN VỀ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO 1](#_Toc161593942)

[1.1. Khái niệm Rừng có giá trị bảo tồn cao 1](#_Toc161593943)

[1.2. Bộ công cụ HCVF cho Việt Nam 2](#_Toc161593944)

[2. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỊA ĐIỂM ĐÁNH GIÁ 3](#_Toc161593945)

[2. 1. Thông tin chung về Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 3](#_Toc161593946)

[2. 2. Thông tin chung về Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương 3](#_Toc161593947)

[2. 3. Tình hình chung về diện tích rừng các khu vực đánh giá 3](#_Toc161593948)

[2. 3. Vị trí địa lý 4](#_Toc161593949)

[2. 4. Dân sinh, Kinh tế- xã hội trên địa bàn huyện 4](#_Toc161593950)

[2. 5. Tình hình sử dụng đất và cảnh quan 5](#_Toc161593951)

[2.6. Diện tích rừng trồng đăng ký tham gia Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 6](#_Toc161593952)

[2. PHƯƠNG PHÁP, CÔNG CỤ SỬ DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ, THỜI GIAN VÀ NGƯỜI THỰC HIỆN 7](#_Toc161593953)

[2.1. Phương pháp và công cụ sử dụng trong đánh giá 7](#_Toc161593954)

[2.2. Thời gian và người thực hiện 8](#_Toc161593955)

[3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO 9](#_Toc161593956)

[3.1. Điều tra đa dạng sinh học 9](#_Toc161593957)

[3.3. Đánh giá giá trị bảo tồn cao 10](#_Toc161593958)

[3.2. Tổng hợp các giá trị bảo tồn cao của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 15](#_Toc161593959)

[4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 17](#_Toc161593960)

[4.1. Kết luận 17](#_Toc161593961)

[4.2. Khuyến nghị 18](#_Toc161593962)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 19](#_Toc161593963)

[PHỤ LỤC 20](#_Toc161593964)

[Phụ lục 1. Mô tả công việc về Đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) cho Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 20](#_Toc161593965)

[Phụ lục 2. Bảng hỏi đánh giá ĐDSH và giá trị bảo tồn cao tại Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 23](#_Toc161593966)

[Phụ lục 3. Chương trình đánh giá HCV tại Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 26](#_Toc161593967)

[Phụ lục 4. Danh sách các bên liên quan tham gia tham vấn và phỏng vấn 31](#_Toc161593968)

[Phụ lục 5. Một số loài nguy cấp, thông thường và có thể hiếm gặp tại rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 33](#_Toc161593969)

[Phụ lục 6: Một số hệ sinh thái rừng hiếm có, nguy cấp và đang bị đe dọa ở Việt Nam 39](#_Toc161593970)

[Phụ lục 7: Tổng hợp các tuyến, điểm khảo sát hiện trường 39](#_Toc161593971)

[Phụ lục 8: Phiếu điều tra 40](#_Toc161593972)

# TỪ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| ĐDSH | Đa dạng sinh học |
| FSC | Hội đồng Quản trị Rừng Thế giới (Forest Stewardship Council) |
| HCV | Giá trị bảo tồn cao (Conservation Value Forest) |
| HCVF | Rừng có giá trị bảo tồn cao (High Conservation Value Forest) |
| NNPTNT | Nông nghiệp phát triển nông thôn |
| IUCN | Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới |
| PV | Phỏng vấn |
| QS | Quan sát |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| WWF | Tổ chức quốc tế về bảo tổn thiên nhiên |

# LỜI CẢM ƠN

Nhóm tư vấn đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCV) chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hỗ trợ tận tình của ông Phạm Sỹ An – Giám đốc Công ty Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương, ông Lê Phùng Diệu – Trưởng nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2, Nguyễn Thọ Văn, Nguyễn Trần Tình, Nguyễn Xuân Hoan, Nguyễn Sỹ Tuấn, Trần Thị Lê – Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 - Công ty Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương.

Nhóm tư vấn đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCV) cũng chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hỗ trợ tận tình ông Trần Đình Truyền - Phó chủ tịch UBND xã Thanh Nho, ông Trịnh Văn Thưởng – Chủ tịch UBND xã Thanh Ngọc, ông Lưu Công Hiệp – Phó chủ tịch UBND xã Thanh Liên, ông Nguyễn Bá Sơn – Phó chủ tịch UBND xã Thanh Đức, ông Võ Văn Anh – Phó chủ tịch UBND xã Hạnh Lâm, ông Nguyễn Văn Linh – Phó chủ tịch UBND xã Thanh Thịnh, ông Lê Minh Hiển - Phó chủ tịch UBND xã Thanh Thịnh, ông Hoàng Phạm Thọ - Chủ tịch UBND xã Thanh Mỹ, ông Nguyễn Viết Chiến – Phó chủ tịch UBND xã Thanh An. Đã sắp xếp và bố trí lịch làm việc, các cuộc họp tham vấn, các cuộc phỏng vấn và các chuyến thăm hiện trường tại các khu vực thuộc các thôn của 09 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức và Hạnh Lâm.

Nhóm tư vấn cảm ơn tới các ông Nguyễn Công Đức - Cán bộ Lâm nghiệp xã Thanh An, bà Nguyễn Thị Xuân - Cán bộ Lâm nghiệp xã Thanh Mỹ, ông Nguyễn Nha Trang – Kiểm lâm địa bàn xã Thanh Liên, ông Nguyễn Văn Tuế - Cán bộ Lâm nghiệp xã Thanh Liên, ông Nguyễn Văn Thông – Kiểm lâm địa bàn xã Thanh Ngọc, bà Lê Thị Nga – Cán bộ địa chính xã Thanh Ngọc, ông Trần Thanh Nam – Cán bộ Lâm nghiệp xã Thanh Nho, ông Trần Văn Kỳ - Cán bộ địa chính xã Võ Liệt, ông Bùi Văn Hồng – Cán bộ Lâm nghiệp xã Võ Liệt. Đã tham gia cùng nhóm đánh giá thực hiện các hoạt động phỏng vấn người dân, làm việc với chính quyền địa phương và khảo sát, đánh giá tại hiện trường.

Chúng tôi cũng trân trọng cảm ơn người dân ở các thôn thuộc các 09 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức và Hạnh Lâm đã dành thời gian cùng trao đổi, cung cấp thông tin và tham gia thảo luận tại các cuộc thảo luận nhanh, các buổi phỏng vấn riêng rẽ và dẫn đi khảo sát rừng trồng.

# TÓM TẮT

Từ ngày 06 đến 08 tháng 03 năm 2024, nhóm chuyên gia thực hiện công việc đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCV) tại 09/11 gồm xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm thuộc huyện Thanh Chương nơi nhóm hộ liên kết với rừng trồng của hộ dân làm chứng chỉ FSC. Hai xã Thanh Khê và Thanh Chi chỉ có 71,04 ha/4.182,67 ha tổng diện tích rừng trồng tham gia nhóm chứng chỉ FSC. Ngoài ra hiện trạng, vị trí địa lý, đặc điểm rừng Keo trồng của hai xã Thanh Khê và Thanh Chi tương tự như 09 xã nêu trên nên nhóm chuyên gia không thực hiện khảo sát thực địa tại hai xã này.

Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 là đại diện cho 2.207 hộ gia đình trồng rừng với diện tích 4.182,67ha nằm trên địa bàn của 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi. Đây là diện tích rừng trồng trên diện tích đất lâm nghiệp được thực hiện qua các chương trình 327, 661, KfW trước đây và người dân tự trồng từ năm 1990 tới nay. Các mô hình trồng rừng hỗn loài, hỗn giao trước đây nay chuyển sang trồng thuần loài Keo.

Toàn bộ diện tích rừng mà Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 liên kết với hộ dân là rừng trồng Keo thuần loài, một số diện tích trồng rừng hỗ trợ bởi Dự án 327, 661, KfW trước đây. Do vậy, rừng trồng không còn đặc điểm nào giống rừng tự nhiên nữa. Diện tích rừng trồng thuộc Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 của các xã nằm khá xa Vườn quốc gia Pù Mát, phần rừng trồng gần nhất của Nhóm hộ chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương 2 thuộc xã Thanh Đức nằm cách Vườn quốc gia Pù Mát khoảng 33km, xã Hạnh Lâm khoảng 38 km, xã Thanh Nho khoảng 40 km theo đường chim bay.

* Khảo sát nhanh đa dạng sinh học, ghi nhận được 103 loài động, thực vật (xem phụ lục 5). Đây là các loài thông thường xuất hiện ở rừng trồng và những khu rừng tự nhiên liền kề. Rừng trồng không còn đặc điểm nào giống rừng tự nhiên nữa. Có ghi 02 loài ghi nhận được xếp loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam hay Nghị định số 06/2019, Nghị Định số 84/2021 (sửa đổi bổ sung Nghị định 06/2019) đó là các loài: Khỉ vàng (*Macaca mulatta), Rắn hổ mang chúa (Ophiophagus hannah))*. Tuy nhiên, các loài này có phân bố ở rừng tự nhiên thuộc vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, thỉnh thoảng chúng mới di chuyển đến và xuất hiện gần khu rừng trồng thuộc nhóm hộ Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2. Theo ghi nhận của người dân vào ngày 07/10/2023 có cá thể Voi châu Á (*Elephas maximus)* nằmtrong Danh lục đỏ IUCN, cá thể voi đực này bị chết tại khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức, tuy nhiên cá thể voi này sinh sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, nó đi lạc vào khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức và bị chết tại đây, nguyên nhân ban đầu được nhận định là do con voi quá già yếu, theo ghi nhận tại hiện trường không có dấu hiệu bị giết hại do hai ngà vẫn còn nguyên vẹn *(Nguồn:* [*Báo Dân trí (dantri.com.vn/ Bất ngờ phát hiện voi đực chết trong rừng tại Nghệ An)*](https://dantri.com.vn/xa-hoi/bat-ngo-phat-hien-voi-duc-chet-trong-rung-tai-nghe-an-20231007200731311.htm): HCV1 không hiện hữu.
* Các diện tích rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 nằm trên các đồi đất thuộc 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi huyện Thanh Chương. Diện tích rừng này không có ý nghĩa kết nối. Vì vậy rừng trồng không có đóng góp mang ý nghĩa cảnh quan: HCV2 không hiện hữu.
* Rừng trồng thuần loài Keo, rừng trồng mới phát triển trên đất trống đồi núi trọc từ trước 1994, vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên và không có các hệ sinh thái quý hiếm và đặc trưng. Hệ sinh thái bản địa trước khi trở thành đất trống đồi núi trọc là rừng hỗn loài thường xanh: HCV3 không hiện hữu.
* Phần lớn diện tích rừng trồng nằm trên địa bàn núi đất, nên ngoài yếu tố là rừng sản xuất ra rừng không có chức năng phòng hộ hay hệ sinh thái xung yếu: HCV4 không hiện hữu.
* Không có cộng đồng người dân sống gần với diện tích rừng trồng, Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 sống rải rác trong các thôn, người dân sinh sống cách xa khu vực rừng. Thành phần dân tộc ở của huyện Thanh Chương có 3 dân tộc Kinh, Thái và Khơ Mú đa số là người Kinh có 31,622 người chiếm 73,5% dân số ho sinh sống chủ yếu ở vùng trung du, dọc các đường giao thông, cuộc sống ổn định. Người dân tộc thiểu số có 11.432 người chiếm 26,5% dân số, họ sinh sống tập chung chủ yếu ở 2 xã Thanh Sơn và Ngọc Lâm. Do quá trình phát triển kinh tế, và thực hiện theo các chủ trương, chính sách của nhà nước về di canh, di cư và phát triển kinh tế, đại bộ phận người dân được dãn dân từ các khu vực lân cận và một số ít là đến từ các khu vực tỉnh khác. Do đó, những diện tích rừng trồng này không có ý nghĩa cung cấp nhu cầu cơ bản cho cộng đồng địa phương: HCV5 không hiện hữu.
* Rừng trồng không được cộng đồng sử dụng cho mục đích nhận dạng văn hóa. Có khu di tích Đình Võ Liệt là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, tuy nhiên không nằm trong diện tích rừng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2, các di tích Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, Đền Bạch Mã, Đền Bà Chúa Yến kể trên được coi là các di tích của địa phương và được nhận diện văn hoá, tuy nhiên, chúng đều nằm ngoài diện tích rừng trồng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2: HCV6 không hiện hữu.

Do vậy, có thể kết luận là rừng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 không có các giá trị bảo tồn cao như định nghĩa trong tiêu chuẩn FSC và trong bộ công cụ về rừng có giá trị bảo tồn cao của ProForest và WWF Việt Nam hướng dẫn xác định.

Mặc dù rừng trồng không có giá trị bảo tồn cao, nhưng để quản lý rừng trồng một cách bền vững, Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 cần quan tâm đến một số khuyến nghị nhằm đảm bảo an toàn về môi trường và xã hội như sau:

* Cần cập nhật bản đồ thể hiện các khu vực vùng đệm ven hồ, dọc các suối nhỏ để tái sinh tự nhiên và trồng thêm cây bản địa (nếu có thể).
* Không được đốt toàn bộ thực bì sau khai thác. Có thể thay thế bằng phương pháp đốt cục bộ (gom theo hàng) và đốt có kiểm soát để không làm hại đến các loài động vật và thảm thực vật.
* Không sử dụng thuốc diệt cỏ và chỉ sử dụng các loại thuốc hoá học trong danh mục cho phép trong quá trình dọn thực bì, chăm sóc cây và bảo vệ sâu bệnh hại.
* Thực hiện giám sát bảo vệ hành lang, vùng đệm ven hồ, suối, hồ, giữ lại các cây tái sinh và thảm thực bì nhằm bảo vệ nguồn nước và bảo vệ hành lang cho các loài động vật. Việc này giúp thúc đẩy tái sinh tự nhiên để các loài của hệ sinh thái bản địa (rừng hỗn loài thường xanh trước đây) có thể khôi phục ở một số diện tích cần bảo vệ.
* Làm việc với Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương để xin đưa diện tích 1.047,26 ha vào diện tích bảo tồn nằm ngoài diện tích thực hiện chứng chỉ để phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn FSC-FM. Khu vực này là rừng tự nhiên tái sinh nghèo và nghèo kiệt được phát triển trên núi đất thuộc các xã Thanh Đức và Hạnh Lâm, khu rừng tự nhiên thuộc địa giới hành chính xã Hạnh Lâm và xã Thanh Đức.
* Khi nào Nhóm hộ kết nạp thêm rừng trồng của các hộ khác và rừng trồng ở các xã khác vào diện tích làm chứng chỉ thì cần tiến hành xác định và đánh giá giá trị bảo tồn cao bổ sung cho những diện tích mới.

# 1. TỔNG QUAN VỀ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

## 1.1. Khái niệm Rừng có giá trị bảo tồn cao

Khái niệm về *Rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF),* ban đầu, được xây dựng trong khuôn khổ của chứng chỉ rừng. Nguyên tắc 9 trong số các nguyên tắc và tiêu chí của Hội đồng Quản trị Rừng Thế giới về chứng chỉ rừng được sử dụng nhằm nhận dạng các giá trị bảo tồn cao và cần được bảo vệ đặc biệt do một hoặc một số đặc trưng có liên quan đến thuộc tính của hệ sinh thái, các dịch vụ môi trường và các giá trị xã hội của chúng.

***Nguyên tắc #9: Các giá trị bảo tồn cao***

Chủ rừng\* phải duy trì và/hoặc cải thiện Các giá trị bảo tồn cao\* trong Đơn vị Quản lý\* thông qua việc áp dụng phương pháp tiếp cận phòng ngừa\*. (P9 P&C V4).

*9.1 Chủ rừng\*, thông qua sự tham gia\* với các bên liên quan bị ảnh hưởng\*, các bên liên quan có quan tâm\* và các phương tiện và nguồn thông tin khác, phải\* đánh giá và báo cáo về sự xuất hiện và tình trạng của các giá trị bảo tồn cao\* có trong Đơn vị Quản lý\*, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro\* của các tác động của hoạt động quản lý và sự xuất hiện của Các giá trị bảo tồn cao\*.*

*9.2 Chủ rừng\* phải phát triển các chiến lược hữu hiệu để duy trì và/hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao\* đã phát hiện thông qua sự tham gia\* với các bên liên quan bị ảnh hưởng\*, các bên liên quan có quan tâm\*, và các chuyên gia. (C9.2 P&C V4).*

*9.3 Chủ rừng\* phải thực hiện các chiến lược và hoạt động duy trì và/hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao\* đã được xác định. Các chiến lược và hoạt động này phải\* thực hiện tiếp cận phòng ngừa\* và tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro\* của các hoạt động quản lý. (C9.3 P&C V4).*

*9.4 Chủ rừng\* phải chứng minh rằng thực hiện việc theo dõi định kì để đánh giá những thay đổi về tình trạng của các giá trị bảo tồn cao\*, và phải\* điều chỉnh thích ứng chiến lược quản lý của mình nhằm đảm bảo sự bảo vệ\* hiệu quả\* các giá trị đó. Việc giám sát phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro\* của các hoạt động quản lý và phải có sự tham gia\* của các bên liên quan bị ảnh hưởng\* và các bên liên quan có quan tâm\* và các chuyên gia. (C9.4 P&C V4).*

Nguồn: Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC Quốc gia của Việt Nam (FSC-STD-VN-01- 2018).

Để có được những hướng dẫn chi tiết hơn cho các chủ rừng, FSC đưa ra định nghĩa giá trị bảo tồn cao (HCV) mà có một hay nhiều thuộc tính sau:

HCV 1 – Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị da dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm, bị de dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.

HCV 2 – Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên.

HCV 3 – Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Các hệ sinh thái, sinh cảnh hoặc nơi ẩn náu của các loài hiếm, bị đe dọa, hoặc nguy cấp.

HCV 4 – Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của vùng đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương.

HCV 5 – Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân dân tộc (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc người dân tộc.

HCV 6 – Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo/tâm linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc. (C9.1 P&C V4 và Motion 2014#7).

Vì vậy một khu rừng được coi là một HCV nếu nó bao gồm một hay nhiều giá trị được nêu ở trên. Điểm then chốt của nguyên tắc này chính là khái niệm về *các giá trị.* HCV không liên quan đến việc bảo tồn một loài hiếm có đơn lẻ hay các quyền của cộng đồng. Khái niệm này tổng quát hơn và vì vậy cũng khó định nghĩa hơn. Các giá trị có liên quan nhiều hơn đến chức năng của một khu rừng ở quy mô địa phương, khu vực hay toàn cầu. Những chức năng này có thể là những chức năng cụ thể như phòng hộ rừng đầu nguồn hoặc duy trì nguồn thực phẩm cho người dân địa phương. Tuy nhiên nó cũng bao gồm nhiều yếu tố mang tính lý thuyết hơn như một quần thể loài đặc hữu có thể không có giá trị kinh tế rõ ràng nhưng có tầm quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sự sống.

## 1.2. Bộ công cụ HCVF cho Việt Nam

HCVF phù hợp với Việt Nam nơi bối cảnh sinh thái, môi trường và xã hội đảm bảo rằng hầu hết những người sử dụng rừng tự nhiên đang hoạt động trong một khu rừng có giá trị bảo tồn cao. Khái niệm này, tuy còn mới đối với Việt Nam và có thể dẫn tới một số nhầm lẫn. Để giải quyết vấn đề này, WWF Việt Nam đã tiến hành một quy trình xây dựng một bộ hướng dẫn nhằm hỗ trợ việc xác định HCVF ở Việt Nam. Tài liệu này, được biết đến như là bộ công cụ về HCVF (WWF VN 2008), là sự phỏng theo bộ công cụ HCVF chung do ProForest xây dựng (ProForest 2003). Bộ công cụ này được thiết kế nhằm giúp đỡ các bên có liên quan xác định xem có HCVF hay không và cung cấp một số hướng dẫn về cách quản lý và giám sát các khu vực này.

Bộ công cụ cho Việt Nam bao gồm các tiêu chí và chỉ số về những gì biểu trưng cho HCVF ở Việt Nam. Bộ công cụ dẫn dắt người sử dụng qua một sê-ri câu hỏi nhằm giúp xác định các giá trị hiện có.

# 2. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỊA ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

## 2. 1. Thông tin chung về Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2

Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 được hình thành theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND huyện Thanh Chương về việc mở rộng diện tích, bổ sung đơn vị cấp chứng chỉ FSC. Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 được thành lập theo quyết định số: 04/QĐ-LNGTC/2024 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương về việc thành lập ban quản lý đại diện cho các nhóm chứng chỉ rừng thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi.

Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 là tổ chức tự nguyện, hoạt động theo quy chế được ban về quản lý rừng bền vững được các cấp phê duyệt, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và chịu sự quản lý nhà nước, UBND huyện, cơ quan chuyên môn và các phòng ban ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của nhóm. Nhóm là một tổ chức được liên kết từ các ban về quản lý rừng trồng bền vững với các người dân tại 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi với diện tích khoảng 4.182,67ha.

## 2. 2. Thông tin chung về Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương

Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương là đại diện cho các thành viên trong nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 và quản lý các hoạt động liên quan đến công tác tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng để thúc đẩy trồng rừng và cải thiện môi trường rừng trồng để cấp chứng chỉ FSC và bao tiêu nguyên liệu cho hộ gia đình.

Địa chỉ: Phòng 506, tòa nhà VCCI, số 1 đường Lê Nin, Phường Hưng Dũng, thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## 2. 3. Tình hình chung về diện tích rừng các khu vực đánh giá

Diện tích rừng trồng hiện có được quy hoạch làm chứng chỉ FSC là khoảng 4.182,67ha rừng trồng Keo thuần loài của 2.206 hộ thuộc 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi, kế hoạch của ban đại diện Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 đề ra cho năm 2024 toàn bộ diện tích rừng trồng của xã được quy hoạch cấp chứng chỉ FSC của 11 xã như sau:

**Bảng 01:** Diện tích rừng các khu vực đánh giá

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên xã** | **Số hộ** | **Loài cây trồng** | **Tổng diện tích (ha)** |
| 1 | Thanh An | 157 | Keo | 423,51 |
| 2 | Võ Liệt | 306 | Keo | 259,53 |
| 3 | Thanh Thịnh | 268 | Keo | 335 |
| 4 | Thanh Ngọc | 242 | Keo | 328,04 |
| 5 | Thanh Liên | 228 | Keo | 318,71 |
| 6 | Thanh Nho | 267 | Keo | 429,64 |
| 7 | Thanh Mỹ | 272 | Keo | 671,06 |
| 8 | Thanh Đức | 269 | Keo | 625,42 |
| 9 | Hạnh Lâm | 150 | Keo | 720,72 |
| 10 | Thanh Khê | 34 | Keo | 64,09 |
| 11 | Thanh Chi | 14 | Keo | 6,95 |
|  | **Tổng** | **2.206** |  | **4.182,67** |

*Nguồn: do công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương và các xã cung cấp,2024*

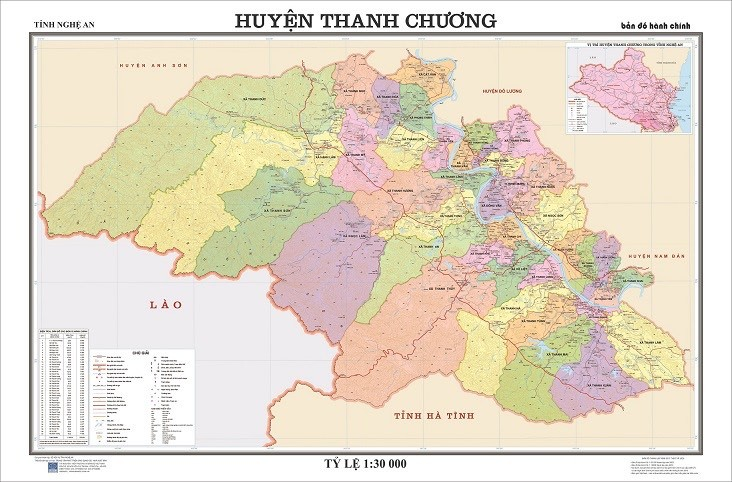
Toàn bộ diện tích đất rừng trồng khu vực được đánh giá đã được giao cho các hộ gia đình sử dụng, tự tổ chức quản lý bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh hại.

Các hộ gia đình được giao đất trồng rừng đã có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất lâm nghiệp. Công tác trồng rừng được thực hiện qua các chương trình 327, 661, KfW và nay là tự các hộ dân trồng rừng, các mô hình trồng rừng hiện nay chủ yếu là trồng thuần loài Keo.

## 2. 3. Vị trí địa lý

Vị trí địa lý của các khu rừng được đánh giá phân bố rộng khắp tại các thôn của 11 xã (Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi) của huyện Thanh Chương và đang được đề xuất cấp chứng chỉ FSC. Địa hình tự nhiên chủ yếu là đồi thấp, có độ dốc bình quân từ 10-25 độ và thuận lợi cho phát triển các hoạt động lâm nghiệp. Tất cả các khu rừng đều đã được thiết lập đường vận xuất, thuận tiện cho công tác trồng rừng, chăm sóc và khai thác rừng.

*Bản đồ 01: Bản đồ hành chính huyện Thanh Chương*

 *(Nguồn: http://thanhchuong.violet.vn/entry/show/entry\_id/1501811)*

## 2. 4. Dân sinh, Kinh tế- xã hội trên địa bàn huyện

***Về dân số:*** Tổng dân số của huyện vào khoảng người. 10.613 hộ với tổng 43.054 nhân khẩu. Mật độ dân cư là khá thưa và phân bố rải rác theo các cụm xóm nơi có địa hình tương đối bằng phẳng và thuận tiện giao thông. Các hộ dân cư trong xóm tại các xã cũng thường phân tán theo các khu vực diện tích đất được quản lý. Các khu vực cộng đồng sinh sống nằm cách xa với khu rừng trồng với cự ly từ 0,5-2km.

***Về dân tộc:***

Thành phần dân tộc ở của huyện Thanh Chương có 3 dân tộc Kinh, Thái và Khơ Mú đa số là người Kinh có 31,622 người chiếm 73,5% dân số ho sinh sống chủ yếu ở vùng trung du, dọc các đường giao thông, cuộc sống ổn định. Người dân tộc thiểu số có 11.432 người chiếm 26,5% dân số, họ sinh sống tập chung chủ yếu ở 2 xã Thanh Sơn và Ngọc Lâm. Do quá trình phát triển kinh tế, và thực hiện theo các chủ trương, chính sách của nhà nước về di canh, di cư và phát triển kinh tế, đại bộ phận người dân được dãn dân từ các khu vực lân cận và một số ít là đến từ các khu vực tỉnh khác.

**Cơ sở hạ tầng:**

Hệ thống đường giao thông tại các địa bàn thuộc Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 đang thực hiện các hoạt động kinh doanh rừng trồng được xây dựng theo các chương trình trọng điểm quốc gia về xóa đói giảm nghèo trước đây (30A, 135..) và chương trình nông thôn mới. Đường liên xã, đường liên xóm với phần lớn được trải nhựa và bê tông hóa chiếm trên 90% do địa phương quản lý. Giao thông thuận lợi cho việc di chuyển và sản xuất nông lâm nghiệp. Tình trạng giao thông ở các địa điểm đánh giá tác động xã hội được đánh giá từ mức trung bình đến tốt.

Đường lâm nghiệp (phục vụ trồng rừng và vận xuất gỗ) đã được hình thành và thiết kế ở tất cả các khu vực rừng trồng. Các con đường này được nối với các trục đường giao thông chính và khu sản xuất nông nghiệp là chủ yếu.

***Sản xuất nông -lâm –ngư nghiệp trên địa bàn huyện:***

- Trồng trọt: Đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu lương thực cho cuộc sống hàng ngày. Cây trồng trên đất nông nghiệp chủ yếu là cây lương thực (lúa, ngô, khoai, sắn…), ngoài ra còn có một số cây công nghiệp ngắn ngày (Đậu tương, Lạc…), cây công nghiệp dài ngày (Chè, Hồ tiêu…) và các loài cây ăn quả, cây hàng năm khác. Năng suất lúa bình quân đạt 51 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực có hạt 101.365 tấn; bình quân lương thực đầu người đạt 420 kg/người/năm. Là huyện có dân số cao, đất nông nghiệp hạn hẹp, trình độ canh tác lạc hậu đã gây sức ép đối với đất đai, tài nguyên rừng.

- Chăn nuôi: Do có lợi thế về đất đai nên chăn nuôi Trâu, Bò phát triển và chiếm ưu thế trong các loại hình chăn nuôi trên địa bàn. Tuy nhiên ngành chăn nuôi của địa phương vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng tự nhiên. Toàn huyện hiện có 27.032 con trâu, đàn bò 49.522 con, lợn 94.429 con và gia cầm 1.116 ngàn con. Hình thức chăn nuôi chủ yếu là thả rông, do đó ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, nhất là công tác trồng rừng và khoanh nuôi phục hồi rừng.

- Thuỷ sản: Nuôi thuỷ sản mới phát triển với quy mô nhỏ trong các hộ gia đình. Toàn huyện có 494,1 ha ao, hồ của các hộ gia đình, có 748 ha hồ, đập do nhà nước quản lý có nuôi trồng thuỷ sản cho sản lượng 1.978 tấn/năm. Do điều kiện địa hình dốc, thường xẩy ra lũ, nuôi cá ao gặp nhiều rủi ro nên nhân dân đầu tư thâm canh còn hạn chế.

- Lâm nghiệp: Những năm trước đây rừng tự nhiên bị khai thác quá mức, khai thác lạm vào vốn rừng, dẫn đến diện tích, chất lượng rừng bị giảm sút. Thực hiện chủ trương của Nhà nước tiến tới đóng cửa rừng tự nhiên. Đối tượng khai thác là các lô rừng trồng nguyên liệu. Nhìn chung công tác kiểm tra giám sát việc khai thác đối với các chủ rừng đã đi vào nề nếp, tuy nhiên tình trạng khai thác và vận chuyển gỗ trái phép vẫn còn xẩy ra. Hàng năm trên địa bàn còn khai thác một lượng lớn lâm sản khoảng 20.000 m3 gỗ nguyên liệu; 1,5 ngàn ster củi; 0,5 triệu cây tre nứa; 120 tấn song mây....- Hiện tại trong huyện có 5 cơ sở chế biến lâm sản (chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân). Ngoài các doanh nghiệp trên còn có rất nhiều cơ sở chế biến lâm sản tồn tại dưới các hình thức tổ hợp, tổ mộc tại gia...- Sản phẩm chế biến chủ yếu là gỗ xẻ xây dựng cơ bản, ván sàn, đồ mộc gia dụng, đồ mộc mỹ nghệ, mộc truyền thống,... Quy mô nhìn chung còn nhỏ bé, chủng loại sản phẩm đơn điệu, chất lượng sản phẩm chưa cao, chủ yếu phục vụ nhu cầu nội vùng và trong tỉnh, chưa khai thông được thị trường xuất khẩu.

## 2. 5. Tình hình sử dụng đất và cảnh quan

Diện tích rừng trồng được đánh giá đa dạng sinh học và giá trị bảo tồn cao của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 là phát triển trên đất trống đồi núi trọc trước đó. 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi là xã các xã thuộc vùng bán sơn địa. Diện tích đất lâm nghiệp chủ yếu nằm trên các đồi đất thuộc địa hình bán sơn địa. Toàn bộ diện tích rừng mà Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 liên kết với hộ dân là rừng trồng Keo thuần loài.

Các hoạt động lâm nghiệp của người dân tập trung chủ yếu theo các hạng mục công việc trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Việc khai thác rừng lại được thực hiện chủ yếu bởi các thương lái và thuê lực lượng lao động nông nhàn tại địa phương.

## 2.6. Diện tích rừng trồng đăng ký tham gia Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2

**Bảng 02:** Diện tích rừng trồng các hộ đăng ký tham gia FSC

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị**  **(xã)** | **Diện tích đăng ký tham gia FSC (ha)** | **Trong đó diện tích (ha)** | | |
| Thực trồng | Loài cây khác | Phụ trợ |
| 1 | Thanh An | 423,51 | 423,51 | 0 | 0 |
| 2 | Võ Liệt | 259,53 | 259,53 | 0 | 0 |
| 3 | Thanh Thịnh | 335 | 335 | 0 | 0 |
| 4 | Thanh Ngọc | 328,04 | 328,04 | 0 | 0 |
| 5 | Thanh Liên | 318,71 | 318,71 | 0 | 0 |
| 6 | Thanh Nho | 429,64 | 429,64 | 0 | 0 |
| 7 | Thanh Mỹ | 671,06 | 671,06 | 0 | 0 |
| 8 | Thanh Đức | 625,42 | 625,42 | 0 | 0 |
| 9 | Hạnh Lâm | 720,72 | 720,72 | 0 | 0 |
| 10 | Thanh Khê | 64,09 | 64,09 | **0** | **0** |
| 11 | Thanh Chi | 6,95 | 6,95 | **0** | **0** |
| **Tổng** | | **4.182,67** | **4.182,67** | **0** | **0** |

*Nguồn: Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương và các xã cung cấp,2024*

# 2. PHƯƠNG PHÁP, CÔNG CỤ SỬ DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ, THỜI GIAN VÀ NGƯỜI THỰC HIỆN

## 2.1. Phương pháp và công cụ sử dụng trong đánh giá

Phương pháp định tính và định lượng đã được sử dụng trong quá trình thu thập số liệu và thông tin, kiểm tra ngoài hiện trường.

Nhóm đánh giá đã sử dụng các phương pháp tiếp cận khác nhau (dựa trên điều khoản tham chiếu cho tư vấn đánh giá tại phụ lục 1) để thu thập các thông tin cần thiết, bao gồm:

1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp và rà soát lại các tài liệu có liên quan, bao gồm (i) Số liệu về rừng trồng tên toàn xã và số liệu rừng trồng của các hộ tham gia Nhóm FSC, (ii) Sổ tay quản lý nhóm, và (iii) các tài liệu dân sinh kinh tế xã hội và tài liệu khác có liên quan;
2. Các cuộc họp tham vấn nhanh với cán bộ Nhóm hộ chứng chỉ rừng, các xã;
3. Phỏng vấn nhanh đại diện các hộ dân tham gia vào chứng chỉ rừng FSC, đại diện lãnh đạo các xã, cán bộ địa chính, cán bộ nông lâm, cán bộ kiểm lâm địa bàn các xã;
4. Đánh giá thực tế tại hiện trường, thăm một số lô rừng đi theo tuyến, điểm;
5. Phân tích kết quả các cuộc họp, các kết quả và thông tin thu được trong quá trình phỏng vấn và đánh giá thực tế tại hiện trường dựa trên chỉ dẫn của Bộ công cụ đánh giá HCVF của Việt Nam.

Các phương pháp và kỹ thuật cụ thể đã áp dụng bao gồm:

1. Bảng danh mục các thông tin thứ cấp cần thiết được gửi vào trước cho Nhóm cán bộ hộ hỗ trợ chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương để chuẩn bị sẵn cho đợt đánh giá (Phụ lục 2, Phụ lục 8);

2. Giới thiệu cho các cán bộ của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 về mục đích của đợt đánh giá, các thông tin thiết yếu liên quan tới HCV và Bộ Công cụ xác định HCVF của Việt Nam;

3. Tiến hành thảo luận và quyết định kế hoạch chi tiết trong thời gian đánh giá như: các đối tượng cần phỏng vấn, các hỗ trợ về thủ tục hành chính, phương tiện cần thiết, địa bàn đi hiện trường, …;

4. Nhóm đánh giá tiến hành phỏng vấn dân địa phương (vì thiếu các thông tin sẵn có) về các loài động thực vật, hệ sinh thái rừng và cũng tiến hành khảo sát đánh giá tại một số tuyến, điểm trong rừng trồng để kiểm chứng thêm thông tin. Nhóm đánh giá cũng làm việc với các đối tượng/bên liên quan tại địa phương thông qua phỏng vấn linh hoạt và bán định hướng. Các nội dung đánh giá (6 HCVs) được các nhóm thực hiện trên cơ sở vận dụng Bộ Công cụ xác định HCVF của Việt Nam và tham vấn với các bên liên quan;

5. Kết quả thu thập từ hiện trường thường được phân tích và kiểm chứng ngay sau mỗi ngày đi hiện trường, có sử dụng các thông tin thứ cấp và điều tra bổ sung của cán bộ Nhóm hộ chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương.

6. Thông tin thu thập được giữa các nhóm được thống nhất với nhau để phục vụ cho viết báo cáo đánh giá;

7. Tra cứu các tình trạng bảo tồn các loài dựa vào Danh lục IUCN, Sách đỏ Việt Nam và Nghị định 06/2019 và NĐ 84/2021.

8. Báo cáo hoàn thiện sau đó được gửi đi cho các bên liên quan để tham vấn.

## 2.2. Thời gian và người thực hiện

**Thời gian:**

Trong thời gian thu thập số liệu, từ ngày 06 đến 08 tháng 03 năm 2024, nhóm đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCV) thực hiện công việc đánh giá tại hiện trường trong đó có họp tham vấn với các bên liên quan, phỏng vấn lãnh đạo xã, cán bộ xã, kiểm lâm địa bàn, đại diện hộ dân (xem Phụ lục 4) và khảo sát thực tế rừng trồng tại các hộ gia đình: Đặng Minh Chưởng, Nguyễn Công Tùng, Tiểu khu 996, Tiểu khu 978, Trần Đình Chung, Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, Đền Bạch Mã, Đình Võ Liệt, khu rừng Đá Bạc, Đập 11/10, Đập 32, Rừng Khe Lài, Rừng Đồng Nhộn, Tiểu Khu Hồ Đá Bái – Tiểu khu 978S, Khu rừng Đại Can, Trần Ngọc Long, Bùi Hữu Kỷ, Đập Bang Nhượng, Đập Bàu Và, Đền Bà Chúa Yến tại 09 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức và Hạnh Lâm huyện Thanh Chương (xem Phụ lục 7) nơi có diện tích rừng trồng thuộc Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2.

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 1: Làm việc với xã Võ Liệt | Ảnh 2: Đập Bang Nhượng |

**Nhóm thực hiện tại hiện trường:**

1. Lê Hữu Oánh – Tư vấn độc lập, chuyên gia đánh giá HCV, chuyên sâu về động vật

2. Nguyễn Thế Cường – Tư vấn độc lập, chuyên gia đánh giá ĐDSH, chuyên sâu về thực vật, lâm sản ngoài gỗ

3. Lê Đình Duy – Tư vấn độc lập, chuyên gia đánh giá HCV

4. Lê Phùng Diệu – Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương - hỗ trợ

5. Nguyễn Thọ Văn – Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương - hỗ trợ

6. Nguyễn Xuân Hoan – Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương - hỗ trợ

7. Nguyễn Trần Tình – Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương - hỗ trợ.

**Chuyên gia rà soát, hiệu đính:**

TS. Lê Thiện Đức- Tư vấn độc lập, chuyên gia ĐDSH và HCV.

# 3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

Trong thời gian thu thập số liệu, từ ngày 06 đến 08 tháng 03 năm 2024, nhóm đánh giá thực hiện công việc đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCV) tại hiện trường trong đó có họp tham vấn với các bên liên quan, phỏng vấn lãnh đạo xã, cán bộ xã, đại diện hộ dân (xem Phụ lục 4) và khảo sát thực tế rừng trồng tại các hộ gia đình: Đặng Minh Chưởng, Nguyễn Công Tùng, Tiểu khu 996, Tiểu khu 978, Trần Đình Chung, Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, khu rừng Đá Bạc, Đập 11/10, Đập 32, Rừng Khe Lài, Rừng Đồng Nhộn, Tiểu Khu Hồ Đá Bái – Tiểu khu 978S, Khu rừng Đại Can, Trần Ngọc Long, Bùi Hữu Kỷ, Đập Bang Nhượng, Đập Bàu Và, Đền Bà Chúa Yến, Đình Võ Liệt, Đền Bạch Mã tại 09 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức và Hạnh Lâm huyện Thanh Chương nơi Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương liên kết với rừng trồng của hộ dân làm chứng chỉ FSC như sau:

## 3.1. Điều tra đa dạng sinh học

Để đánh giá các giá trị bảo tồn cao thì cần phải biết khu vực rừng trồng của nhóm hộ có những giá trị đa dạng sinh học về loài nào. Từ trước đến nay chưa có bất kỳ một báo cáo đánh giá tài nguyên rừng thực hiện ở khu vực. Do đó, trong quá trình đánh giá HCVs, nhóm đánh giá đã quan sát theo tuyến, điểm và tiến hành phỏng vấn các bên liên quan, hộ dân để có được thông tin về loài, nhóm đã ghi nhận được 103 loài động-thực vật. Dưới đây là ghi nhận số lượng loài động thực vật đã ghi nhận được (chi tiết xem Phụ lục 5) như bảng sau:

**Bảng 03**. Thành phần loại động vật và thực vật ghi nhận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp/Nhóm** | **Số lượng loài** |
| 1 | Linh trưởng | 01 |
| 2 | Thú | 11 |
| 3 | Chim | 28 |
| 4 | Bò sát | 14 |
| 5 | Lưỡng cư | 7 |
| 6 | Cá | 11 |
| 7 | Thực vật | 31 |
|  | **Tổng cộng** | **103** |

*Nguồn: Kết quả đánh giá HCV năm 2024*

Đa số các loài ghi nhận được qua phỏng vấn, vì vậy danh lục về loài (Phụ lục 5) có một số loài chúng tôi chỉ xác định được đến chi/giống. Có thể thấy, thành phần loài động thực vật tại khu vực rừng trồng của Nhóm hộ và một số diện tích rừng tự nhiên lân cận có số lượng loài chủ yếu là các loài thông thường, chỉ có 02 loài ghi nhận được xếp loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam hay Nghị định số 06/2019, Nghị Định số 8/2021 đó là các loài: Khỉ vàng (*Macaca mulatta), Rắn hổ mang chúa (Ophiophagus hannah).* Tuy nhiên, các loài này có phân bố ở rừng tự nhiên thuộc vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, thỉnh thoảng chúng mới di chuyển đến và xuất hiện gần khu rừng trồng thuộc nhóm hộ Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2. Theo ghi nhận của người dân vào ngày 07/10/2023 có cá thể Voi châu Á (*Elephas maximus)* nằmtrong Danh lục đỏ IUCN, cá thể voi đực này bị chết tại khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức, tuy nhiên cá thể voi này sinh sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, nó đi lạc vào khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức và bị chết tại đây, nguyên nhân ban đầu được nhận định là do con voi quá già yếu, theo ghi nhận tại hiện trường không có dấu hiệu bị giết hại do hai ngà vẫn còn nguyên vẹn: HCV1 không hiện hữu.*.*

**Mẫu hệ sinh thái đại diện, diện tích có thể bảo tồn:**

Nhóm đánh giá đã khảo sát và đề xuất khu vực rừng tự nhiên mà Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 muốn đưa vào diện tích bảo tồn nằm ngoài diện tích thực hiện chứng chỉ để phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn FSC-FM. Khu vực này có diện tích 1.047,26 ha chủ yếu thuộc khu vực rừng tự nhiên tái sinh nghèo và nghèo kiệt được phát triển trên núi đất thuộc các xã Thanh Đức và Hạnh Lâm, khu rừng tự nhiên thuộc địa giới hành chính xã Hạnh Lâm và xã Thanh Đức do Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương quản lý có vị trí như sau:

* Xã Thanh Đức: Quản lý diện tích 574,07ha. Gồm:

+ Khoảnh 8, 9, 11 và 12 - tiểu khu 974. Diện tích 260,03ha

+ Khoảnh 3, 4, 5 và 6 - tiểu khu 975A. Diện tích 314,04ha

* Xã Hạnh Lâm: Quản lý diện tích 473,19ha. Gồm khoảnh 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15 – Tiểu khu 975B

Khu vực này được xem là diện tích mẫu đại diện tự nhiên, đây là hệ sinh thái núi đất với thảm thực vật tái sinh trên núi đất. Thực tế, diện tích này thuộc quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Thanh Chương đang bảo vệ cấm các hoạt động khai thác, chặt phá cây, săn bắt động vật trái phép. Diện tích này phù hợp để Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 có thể phối hợp quản lý, bảo vệ với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Thanh Chương để đáp ứng tiêu chí 10% diện tích mẫu đại diện.

## 3.3. Đánh giá giá trị bảo tồn cao

**HCV1: Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị da dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm, bị de dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.**

1.1: Các khu bảo vệ:

*Khu rừng này có phải là rừng đặc dụng đã công nhận hoặc được đề xuất hay không?*

**Không.** Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 là đại diện cho 2.207 hộ gia đình trồng rừng với diện tích 4.182,67ha nằm trên địa bàn của 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An. Đây là diện tích rừng trồng trên diện tích đất lâm nghiệp được thực hiện qua các chương trình 327, 661, KfW và người dân tự trồng từ năm 1990 tới nay. Các mô hình trồng rừng hỗn loài, hỗn giao trước đây nay chuyển sang trồng thuần loài Keo.

*Khu rừng này có liền kề với rừng đặc dụng không?*

**Không.** Diện tích rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 không nằm liền kề hoặc nằm trong vùng đệm với bất cứ khu rừng đặc dụng nào. Diện tích rừng trồng của các hộ tham gia Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 nằm khá xa Vườn quốc gia Pù Mát, phần rừng trồng gần nhất của Nhóm hộ chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương 2 thuộc xã Thanh Đức nằm cách Vườn quốc gia Pù Mát khoảng 33km, xã Hạnh Lâm khoảng 38 km, xã Thanh Nho khoảng 40 km theo đường chim bay.

*Khu rừng này có tính chất, đặc điểm tương tự như khu rừng đặc dụng liền kề không?*

**Không.** Toàn bộ diện tích rừng mà Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 liên kết với hộ dân là rừng trồng Keo thuần loài. Do vậy, rừng trồng không còn đặc điểm nào giống rừng tự nhiên nữa.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

1.2: Các loài bị đe doạ và nguy cấp:

*Có nhiều loài được liệt kê trong danh sách các loài bị đe dọa và nguy cấp của Việt Nam được tìm thấy trong khu rừng này không?*

**Không.** Qua phỏng vấn nhanh cán bộ Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 và các hộ dân sống gần rừng, chúng tôi chỉ ghi nhận một số loài động vật thông thường và không có loài quý hiếm trong Danh lục đỏ IUCN, chỉ có 02 loài ghi nhận được xếp loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam hay Nghị định số 06/2019, Nghị Định số 84/2021 (sửa đổi bổ sung Nghị định 06/2019) đó là các loài: Khỉ vàng (*Macaca mulatta),* Rắn hổ mang chúa *(Ophiophagus hannah)*. Tuy nhiên, các loài này có phân bố ở rừng tự nhiên thuộc vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, thỉnh thoảng chúng mới di chuyển đến và xuất hiện gần khu rừng trồng thuộc nhóm hộ Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2. Theo ghi nhận của người dân vào ngày 07/10/2023 có cá thể Voi châu Á (*Elephas maximus)* nằmtrong Danh lục đỏ IUCN, cá thể voi đực này bị chết tại khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức, tuy nhiên cá thể voi này sinh sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, nó đi lạc vào khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức và bị chết tại đây, nguyên nhân ban đầu được nhận định là do con voi quá già yếu, theo ghi nhận tại hiện trường không có dấu hiệu bị giết hại do hai ngà vẫn còn nguyên vẹn: HCV1 không hiện hữu. (xem Phụ lục 5 để có thông tin chi tiết).

*Tại thời điểm này, khu rừng có được đánh giá là có tầm quan trọng đa dạng sinh học?*

**Không.** Tính cho đến thời điểm hiện nay, chưa có báo cáo chuyên môn nào chỉ ra rằng khu vực rừng trồng này có tầm quan trọng về đa dạng sinh học. Qua phỏng vấn nhanh, chỉ ghi nhận một số loài động vật thông thường, có ghi nhận chỉ có 02 loài ghi nhận được xếp loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam hay Nghị định số 06/2019, Nghị Định số 84/2021 (sửa đổi bổ sung Nghị định 06/2019) đó là các loài: Khỉ vàng (*Macaca mulatta),* Rắn hổ mang chúa *(Ophiophagus hannah).* Theo ghi nhận của người dân vào ngày 07/10/2023 có cá thể Voi châu Á (*Elephas maximus)* nằmtrong Danh lục đỏ IUCN, cá thể voi đực này bị chết tại khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức, tuy nhiên cá thể voi này sinh sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, nó đi lạc vào khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức và bị chết tại đây, nguyên nhân ban đầu được nhận định là do con voi quá già yếu, theo ghi nhận tại hiện trường không có dấu hiệu bị giết hại do hai ngà vẫn còn nguyên vẹn: HCV1 không hiện hữu..

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 3: Ghi nhận gà rừng nuôi nhốt | Ảnh 4: Ghi nhận chim chích chòe lửa nuôi |

*Rừng này có nằm trong khu vực trước đây được ghi nhận là có tầm quan trọng về đa dạng sinh học không?*

**Không.** Tính cả trước đây và cho đến thời điểm hiện nay, chưa có báo cáo chuyên môn nào chỉ ra rằng khu vực rừng trồng này nằm trong khu vực trước đây được đánh giá là có tầm quan trọng đa dạng sinh học.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

1.3: Loài đặc hữu:

*Có một loài đặc hữu hoặc cận đặc hữu bị đe dọa nào được ghi nhận ở khu rừng này không?*

**Không.** Chưa có báo cáo điều tra đa dạng sinh học nào được thực hiện từ trước cho đến nay tại đây. Qua phỏng vấn nhanh cán bộ Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 và người dân địa phương, nhóm đánh giá ghi nhận được 103 loài động, thực vật. Tuy nhiên trong số này, không ghi nhận được thông tin về loài đặc hữu hoặc bán đặc hữu nào còn phân bố tự nhiên ở khu vực.

*Khu rừng này có nằm trong vùng trước đây được nhận biết là có tính đặc hữu cao không?*

**Không.** Chưa có báo cáo chuyên môn nào ghi nhận khu vực này có tính đặc hữu cao.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

1.4: Công dụng quan trọng theo thời gian:

*Có các nguồn thức ăn/ khu đất ngập nước/các quần xã di cư hiện hữu trong khu rừng này vào một số thời điểm hay thời gian nào không?*

**Không.** Không có khu vực nào như vậy tại diện tích rừng do Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 quản lý.

*Có phải những tài nguyên này rất quan trọng đối với sự tồn tại của quần thể hay quần xã sinh học không?*

**Không.** Không có khu vực nào có các quần thể loài quan trọng tại diện tích rừng do Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 quản lý.

*Khu rừng này có phải nằm trong khu được đề xuất vào các phân hạng khác (đất ngập nước, bảo tồn biển, ...) trong hệ thống bảo tồn hay không?*

**Không.** Khu rừng thuộc Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 hoàn toàn không phải là được đề xuất vào các phân hạng khác (đất ngập nước, bảo tồn biển, ...) nào cả.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

**HVC2: Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên.**

*2.1: Khu rừng này có phải là một phần của dải rừng liên tục không?*

**Không.** Các diện tích rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 nằm trên 11 xã khác nhau trên các đồi đất không liên lục với nhau.

*2.2: Toàn bộ khu rừng này có phải đang trong tình trạng gần như chưa bị tác động không?*

**Không.** Như đề cập ở trên, vì là rừng trồng qua nhiều luân kỳ nên không còn tính chất giống như rừng tự nhiên.

*2.3: Toàn bộ tổ hợp rừng có rộng hơn 10.000 ha không?*

**Không.** Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 là đại diện cho 2.207 hộ gia đình trồng rừng với diện tích 4.182,67ha nằm trên địa bàn của 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An. Đây là diện tích rừng trồng trên diện tích đất lâm nghiệp được thực hiện qua các chương trình 327, 661, KfW và người dân tự trồng từ năm 1990 tới nay. Các mô hình trồng rừng hỗn loài, hỗn giao trước đây nay chuyển sang trồng thuần loài Keo.

*2.4: Có một quần thể loài trọng yếu nào ở đó hay không?*

**Không.** Như đã đề cập ở những phần trên, đây là rừng trồng mới phát triển trên đất trống đồi núi trọc vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên và không nghi nhận quần thể loài trọng yếu nào tồn tại ở đây.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

**HCV3: Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Những khu rừng có chứa đựng hoặc bao gồm những hệ sinh thái hiếm có, đang bị đe dọa và nguy cấp.**

*3.1: Có kiểu rừng nào liệt kê dưới đây được tìm thấy tại khu rừng này không?*

**Không.** Tương tự như đã đề cập ở những phần trên, rừng trồng thuần loài Keo, rừng trồng phát triển trên đất trống đồi núi trọc, vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên và không có các hệ sinh thái quý hiếm và đặc trưng.

*3.2: Kiểu rừng này có đặc trưng cho khu vực không?*

**Không.** Như đã đề cập ở trên, rừng trồng thuần loài Keo, rừng trồng phát triển trên đất trống đồi núi trọc vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên và không có các hệ sinh thái quý hiếm và đặc trưng. Hệ sinh thái bản địa trước khi trở thành đất trống đồi núi trọc là rừng hỗn loài thường xanh.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

**HCV4: Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của vùng đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương.**

4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thuỷ lợi và thuỷ điện.

*Khu vực này có được xác định là rừng phòng hộ ở Việt Nam hay không?*

**Không.** Rừng của hộ gia đình thuộc Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 là rừng sản xuất. Tuy nhiên có số ít diện tích rừng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 nằm phía trên Đập Cao Điền thuộc thôn Liên Đồng, Đập Khe Su thuộc thôn Liên Minh xã Thanh Liên, Đập Bang Nhượng thuộc thôn Yên Xuân, Đập Khe Lá thuộc thôn Phú Quang xã Thanh Ngọc, các đập này có chức năng góp phần giữ nước cho các con đập này cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp cho khoảng 58 ha lúa nước.

Ảnh 5: Rừng trồng bên Đập Bang Nhượng Ảnh 6: Rừng trồng bên Đập Cao Điền

*Có tiểu khu nào trong phạm vi của lâm trường/công ty lâm nghiệp được quy định là rừng phòng hộ không?*

**Không.** 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An. là các xã thuộc vùng bán sơn địa. Diện tích đất lâm nghiệp chủ yếu nằm trên các đồi đất. Xung quanh khu vực đất thuộc Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 đang quản lý không có diện tích rừng phòng hộ thuộc lâm trường/công ty lâm nghiệp.

*Thôn/làng hoặc cộng đồng sinh sống gần khu rừng có sử dụng trên 90% nhu cầu nước cho sinh hoạt, tưới tiêu từ một hoặc vài nguồn trong khu rừng hay không?*

**Không.** Khu dân cư sử dụng nước giếng khoan và giếng khơi để sinh hoạt. Một số hộ dân nằm giáp rừng trồng sử dụng nưới suối, khe nước hồ để tưới tiêu cho cây trồng.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống sạt lở đất, lũ quét, xói mòn, gió bão, bồi lắng và phòng hộ ven biển.

*Diện tích rừng có được cộng đồng quy định là rừng phòng hộ hoặc được cộng đồng bảo vệ hay không?*

**Không.** Rừng của hộ gia đình thuộc Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 là rừng sản xuất và không có tiểu khu nào là rừng phòng hộ.

*Diện tích rừng này có nằm trong khu vực hay xảy ra thiên tai (lũ, lũ quét, sạt lở đất, bão, sóng biển dâng, cát bay, ...) không?*

**Không.** Rừng của hộ gia đình thuộc Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 nằm trên vùng bán sơn địa nên có thể bị ảnh hưởng bởi mưa bão tuy nhiên không thường xuyên.

*Thiên tai xảy ra tại khu vực có diện tích rừng có nghiêm trọng không?*

**Không.** Theo ghi nhận khu vực có diện tích rừng có thể bị ảnh hưởng bởi mưa bão tuy nhiên thời gian gần đây không sảy ra hiện tượng mưa bão ảnh hưởng nghiêm trọng.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

**HCV 5: Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân dân tộc (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc người dân tộc.**

5.1: Có các cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần một khu rừng không?

**Không.** Không có cộng đồng người dân sống gần với diện tích rừng trồng, Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 sống rải rác trong thôn, người dân sinh sống cách xã khu vực rừng. Thành phần dân tộc ở của huyện Thanh Chương có 3 dân tộc Kinh, Thái và Khơ Mú đa số là người Kinh có 31,622 người chiếm 73,5% dân số họ sinh sống chủ yếu ở vùng trung du, dọc các đường giao thông, cuộc sống ổn định. Người dân tộc thiểu số có 11.432 người chiếm 26,5% dân số, họ sinh sống tập chung chủ yếu ở 2 xã Thanh Sơn và Ngọc Lâm. Do quá trình phát triển kinh tế, và thực hiện theo các chủ trương, chính sách của nhà nước về di canh, di cư và phát triển kinh tế, đại bộ phận người dân được dãn dân từ các khu vực lân cận và một số ít là đến từ các khu vực tỉnh khác

5.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng để đáp ứng các nhu cầu cơ bản[[1]](#footnote-1) của họ không?

**Không.** Rừng trồng Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 không có ý nghĩa đáp ứng nhu cầu cơ bản như thực phẩm, thuốc, vật liệu xây dựng, và thu nhập cho người dân. Các hộ dân chỉ có thể tận thu chút ít các loại lâm sản ngoài gỗ khác như cây làm nước uống (chè vằng, chè dây, cà gai leo).

5.3: Những nhu cầu cơ bản có là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương không?

**Không.** Như đề cập ở trên, các hộ dân chỉ có thể tận thu chút ít các loại lâm sản ngoài gỗ khác như cây làm nước uống (chè vằng, chè dây, cà gai leo), cây lấy lá nấu canh theo mùa. Do đó rừng không phải là nhu cầu cơ bản nền tảng cho cộng đồng địa phương.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

**HCV 6: Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo/tâm linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc.**

6.1: Có cộng đồng nào sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng hay không?

**Không.** Không có cộng đồng người dân sống gần với diện tích rừng trồng, Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 sống rải rác trong thôn, người dân sinh sống cách xã khu vực rừng. Thành phần dân tộc ở của huyện Thanh Chương có 3 dân tộc Kinh, Thái và Khơ Mú đa số là người Kinh có 31,622 người chiếm 73,5% dân số ho sinh sống chủ yếu ở vùng trung du, dọc các đường giao thông, cuộc sống ổn định. Người dân tộc thiểu số có 11.432 người chiếm 26,5% dân số, họ sinh sống tập chung chủ yếu ở 2 xã Thanh Sơn và Ngọc Lâm. Do quá trình phát triển kinh tế, và thực hiện theo các chủ trương, chính sách của nhà nước về di canh, di cư và phát triển kinh tế, đại bộ phận người dân được dãn dân từ các khu vực lân cận và một số ít là đến từ các khu vực tỉnh khác.

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 7: Đình Võ Liệt | Ảnh 8: Đền Bạch Mã |
|  |  |

6.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ hay không?

**Không.** Rừng trồng không được cộng đồng sử dụng cho mục đích nhận dạng văn hóa. Có khu di tích Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, Đền Bạch Mã, Đình Võ Liệt, Đền Bà Chúa Yến. Những di tích này nằm ngoài diện tích rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2.

Đình Võ Liệt được Bộ văn hóa-Thông tin ra quyết định số 1288/QĐ-VH công nhận Đình Võ Liệt là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia là địa điểm tụ họp của Hội văn tống Võ Liệt và nơi lưu danh 445 người đậu khoa bảng của tổng từ triều Lê đến chiều Nguyễn, năm 1929 Đình Võ Liệt là nơi tụ họp của Đảng Tân Việt ở Thanh Chương trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, Đình là một trong các địa điểm thành lập chính quyền Xô Viết đầu tiên ở Nghệ Tĩnh. *(Bia Đình Võ Liệt, 2024).*

6.3: Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa hay không?

**Không.** Đình Võ Liệt được Bộ văn hóa-Thông tin ra quyết định số 1288/QĐ-VH công nhận Đình Võ Liệt là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, tuy nhiên không nằm trong diện tích rừng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2, các di tích Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, Đền Bạch Mã, Đền Bà Chúa Yến kể trên được coi là các di tích của địa phương và được nhận diện văn hoá, tuy nhiên, chúng đều nằm ngoài diện tích rừng trồng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

## 3.2. Tổng hợp các giá trị bảo tồn cao của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2

Kết quả đánh giá các HCVs tại Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2, có thể tổng hợp tóm tắt như sau.

**Bảng 3**. Tóm tắt HCVs tại Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2

| **Giá trị** | **Kết quả đánh giá** |
| --- | --- |
| ***HCV1: Đa dạng loài*** | ***KHÔNG HIỆN HỮU*** |
| 1.1: Các khu rừng đặc dụng | Không hiện hữu |
| 1.2: Các loài bị đe doạ và nguy cấp | Không hiện hữu |
| 1.3: Các loài đặc hữu | Không hiện hữu |
| 1.4: Công dụng quan trọng theo thời gian | Không hiện hữu |
| ***HCV2: Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm*** | ***KHÔNG HIỆN HỮU*** |
| 2.1: Dải rừng liên tục | Không hiện hữu |
| 2.2: Điều kiện rừng chưa bị tác động | Không hiện hữu |
| 2.3: Diện tích rộng hơn 10.000 ha | Không hiện hữu |
| 2.4: Quần thể loài trọng yếu | Không hiện hữu |
| ***HCV3: Các hệ sinh thái và sinh cảnh*** | ***KHÔNG HIỆN HỮU*** |
| 3.1: Hệ sinh thái hiếm | Không hiện hữu |
| 3.2: Kiểu rừng đặc trưng | Không hiện hữu |
| ***HCV4: Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu*** | ***KHÔNG HIỆN HỮU*** |
| 4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thuỷ lợi và thuỷ điện | Không hiện hữu |
| 4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống sạt lở đất, lũ quét, xói mòn, gió bão, bồi lắng và phòng hộ ven biển | Không hiện hữu |
| ***HCV5: Các nhu cầu của cộng đồng*** | ***KHÔNG HIỆN HỮU*** |
| 5.1: Có các cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần một khu rừng không? | Không hiện hữu |
| 5.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ không? | Không hiện hữu |
| 5.3: Những nhu cầu cơ bản có là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương không? | Không hiện hữu |
| ***HCV6: Các giá trị văn hóa*** | ***KHÔNG HIỆN HỮU*** |
| 6.1: Có cộng đồng nào sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng hay không? | Không hiện hữu |
| 6.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ hay không? | Không hiện hữu |
| 6.3: Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa hay không? | Không hiện hữu |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả đánh giá HCV năm 2024*

# 4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

## 4.1. Kết luận

Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 là đại diện cho 2.207 hộ gia đình trồng rừng với diện tích 4.111,63ha nằm trên địa bàn của 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê Và Thanh Chi huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An. Đây là diện tích rừng trồng trên diện tích đất lâm nghiệp được thực hiện qua các chương trình 327, 661, KfW và người dân tự trồng từ năm 1990 tới nay. Các mô hình trồng rừng hỗn loài, hỗn giao trước đây nay chuyển sang trồng thuần loài Keo.

Toàn bộ diện tích rừng mà Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 liên kết với hộ dân là rừng trồng Keo thuần loài, một số diện tích trồng rừng hỗ trợ bởi Dự án 327, 661, KfW trước đây. Do vậy, rừng trồng không còn đặc điểm nào giống rừng tự nhiên nữa. Diện tích rừng trồng của các hộ tham gia Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 nằm khá xa Vườn quốc gia Pù Mát, phần rừng trồng gần nhất của Nhóm hộ chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương 2 thuộc xã Thanh Đức nằm cách Vườn quốc gia Pù Mát khoảng 33km, xã Hạnh Lâm khoảng 38 km, xã Thanh Nho khoảng 40 km theo đường chim bay.

* Khảo sát nhanh đa dạng sinh học, ghi nhận được 103 loài động, thực vật (xem phụ lục 5). Đây là các loài thông thường xuất hiện ở rừng trồng và những khu rừng tự nhiên liền kề. Rừng trồng không còn đặc điểm nào giống rừng tự nhiên nữa. Có ghi 02 loài ghi nhận được xếp loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam hay Nghị định số 06/2019, Nghị Định số 84/2021 (sửa đổi bổ sung Nghị định 06/2019) đó là các loài: Khỉ vàng (*Macaca mulatta),* Rắn hổ mang chúa *(Ophiophagus hannah)*. Tuy nhiên, các loài này có phân bố ở rừng tự nhiên thuộc vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, thỉnh thoảng chúng mới di chuyển đến và xuất hiện gần khu rừng trồng thuộc nhóm hộ Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2. Theo ghi nhận của người dân vào ngày 07/10/2023 có cá thể Voi châu Á (*Elephas maximus)* nằmtrong Danh lục đỏ IUCN, cá thể voi đực này bị chết tại khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức, tuy nhiên cá thể voi này sinh sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, nó đi lạc vào khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức và bị chết tại đây, nguyên nhân ban đầu được nhận định là do con voi quá già yếu, theo ghi nhận tại hiện trường không có dấu hiệu bị giết hại do hai ngà vẫn còn nguyên vẹn: HCV1 không hiện hữu.
* Các diện tích rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 nằm trên các đồi đất thuộc 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi huyện Thanh Chương. Diện tích rừng này không có ý nghĩa kết nối. Vì vậy rừng trồng không có đóng góp mang ý nghĩa cảnh quan: HCV2 không hiện hữu.
* Rừng trồng thuần loài Keo, rừng trồng mới phát triển trên đất trống đồi núi trọc từ trước 1994, vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên và không có các hệ sinh thái quý hiếm và đặc trưng. Hệ sinh thái bản địa trước khi trở thành đất trống đồi núi trọc là rừng hỗn loài thường xanh: HCV3 không hiện hữu.
* Phần lớn diện tích rừng trồng nằm trên địa bàn núi đất, nên ngoài yếu tố là rừng sản xuất ra rừng không có chức năng phòng hộ hay hệ sinh thái xung yếu: HCV4 không hiện hữu.
* Không có cộng đồng người dân sống gần với diện tích rừng trồng, Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 sống rải rác trong các thôn, người dân sinh sống cách xã khu vực rừng. Thành phần dân tộc ở của huyện Thanh Chương có 3 dân tộc Kinh, Thái và Khơ Mú đa số là người Kinh có 31,622 người chiếm 73,5% dân số ho sinh sống chủ yếu ở vùng trung du, dọc các đường giao thông, cuộc sống ổn định. Người dân tộc thiểu số có 11.432 người chiếm 26,5% dân số, họ sinh sống tập chung chủ yếu ở 2 xã Thanh Sơn và Ngọc Lâm. Do quá trình phát triển kinh tế, và thực hiện theo các chủ trương, chính sách của nhà nước về di canh, di cư và phát triển kinh tế, đại bộ phận người dân được dãn dân từ các khu vực lân cận và một số ít là đến từ các khu vực tỉnh khác. Do đó, những diện tích rừng trồng này không có ý nghĩa cung cấp nhu cầu cơ bản cho cộng đồng địa phương: HCV5 không hiện hữu.
* Rừng trồng không được cộng đồng sử dụng cho mục đích nhận dạng văn hóa. Có khu di tích Đình Võ Liệt là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, tuy nhiên không nằm trong diện tích rừng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2, các di tích Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, Đền Bạch Mã, Đền Bà Chúa Yến kể trên được coi là các di tích của địa phương và được nhận diện văn hoá, tuy nhiên, chúng đều nằm ngoài diện tích rừng trồng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2: HCV6 không hiện hữu.

Do vậy, có thể kết luận là rừng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 không có các giá trị bảo tồn cao như định nghĩa trong tiêu chuẩn FSC và trong bộ công cụ về rừng có giá trị bảo tồn cao của ProForest và WWF Việt Nam hướng dẫn xác định.

## 4.2. Khuyến nghị

Mặc dù rừng trồng không có giá trị bảo tồn cao, nhưng để quản lý rừng trồng một cách bền vững, Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 cần quan tâm đến một số khuyến nghị nhằm đảm bảo an toàn về môi trường và xã hội:

* Cần cập nhật bản đồ thể hiện các khu vực vùng đệm dọc các suối nhỏ để tái sinh tự nhiên và trồng thêm cây bản địa (nếu có thể).
* Không được đốt toàn bộ thực bì sau khai thác. Có thể thay thế bằng phương pháp đốt cục bộ (gom theo hàng) và đốt có kiểm soát để không làm hại đến các loài động vật và thảm thực vật.
* Không sử dụng thuốc diệt cỏ và chỉ sử dụng các loại thuốc hoá học trong danh mục cho phép trong quá trình dọn thực bì, chăm sóc cây và bảo vệ sâu bệnh hại.
* Thực hiện giám sát bảo vệ hành lang, vùng đệm ven suối, hồ, giữ lại các cây tái sinh và thảm thực bì nhằm bảo vệ nguồn nước và bảo vệ hành lang cho các loài động vật. Việc này giúp thúc đẩy tái sinh tự nhiên để các loài của hệ sinh thái bản địa (rừng hỗn loài thường xanh trước đây) có thể khôi phục ở một số diện tích cần bảo vệ.
* Làm việc với Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương để xin đưa diện tích 1.047,26 ha vào diện tích bảo tồn nằm ngoài diện tích thực hiện chứng chỉ để phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn FSC-FM. Khu vực này là rừng tự nhiên tái sinh nghèo và nghèo kiệt được phát triển trên núi đất thuộc các xã Thanh Đức và Hạnh Lâm, khu rừng tự nhiên thuộc địa giới hành chính xã Hạnh Lâm và xã Thanh Đức.
* Khi nào Nhóm hộ kết nạp thêm rừng trồng của các hộ khác và rừng trồng ở các xã khác vào diện tích làm chứng chỉ thì cần tiến hành xác định và đánh giá giá trị bảo tồn cao bổ sung cho những diện tích mới.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BirdLife International and FIPI (2001). Sourcebook of existing and proposed protected areas in Vietnam. BirdLife International Vietnam Program and FIPI. Hanoi, Vietnam.
2. Bộ NNPTNT, 2018. Thông tư số 28/2018/TT – BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững.
3. Bộ NNPTNT, 2023. Công văn số 6124/BNN-LN ngày 05/09/2023 về việc hoàn thành xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và đẩy nhanh tiến độ, tăng diện tích rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ rừng.
4. Chính phủ Việt Nam, 2018. Quyết định số 1288/QĐ-TTg, ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng.
5. Chính phủ Việt Nam, 2019. Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, của chính phù về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ướng về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp.
6. Chính phủ Việt Nam, 2021. Nghị định số 84/2021-NĐ/CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, của chính phù về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ướng về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp.
7. FSC, 2018. Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC Quốc gia của Việt Nam. FSC-STD-VN-01- 2018. Ngày phê duyệt 17.10.2018.
8. Lê Thiện Đức, Lê Đình Duy 2022. Đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) cho nhóm hộ chứng chỉ rừng BMFV Nghệ An thuộc dự án Quản lý rừng bền vững USAID.
9. Lê Hữu Oánh, Lê Thiện Đức 2023. Đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) cho nhóm hộ chứng chỉ rừng Công ty TNHH Việt Trang, huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh.
10. Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2, 2024. Sổ tay quản lý nhóm hộ. Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2.
11. Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2, 2024. Phương án QLRBV của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2.
12. WWF – Chương trình Việt Nam (2008) Bộ công cụ xác định Rừng có giá trị bảo tồn cao ở Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.

# PHỤ LỤC

## Phụ lục 1. Mô tả công việc về Đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) cho Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2

1. **Bối cảnh:**

Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 được hình thành theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND huyện Thanh Chương về việc mở rộng diện tích, bổ sung đơn vị cấp chứng chỉ FSC. Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 được thành lập theo quyết định số: 04 / QĐ-LNGTC/2024 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương về việc thành lập ban quản lý đại diện cho các nhóm chứng chỉ rừng thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi.

Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 là tổ chức tự nguyện, hoạt động theo quy chế được ban về quản lý rừng bền vững được các cấp phê duyệt, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và chịu sự quản lý nhà nước, UBND huyện, cơ quan chuyên môn và các phòng ban ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của nhóm. Nhóm là một tổ chức được liên kết từ các ban về quản lý rừng trồng bền vững với các người dân tại 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi với diện tích khoảng 4.182,67ha.

Công ty TNHH Tư vấn Cleverforestry là đơn vị được lựa chọn tư vấn, hỗ trợ và hướng dẫn kỹ thuật cho nhóm hộ hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản lý để đạt được chứng chỉ QLRBV FSC.

Công ty Cleverforestry sẽ bố trí một chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm về đa dạng sinh học và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) để tiến hành đánh giá thực tế, tham vấn với các bên liên quan và tiến hành xây dựng kế hoạch quản lý các giá trị bảo tồn cao (nếu có). Chuyên gia sẽ tiến hành đánh giá cùng với cán bộ của Nhóm quản lý rừng FSC của Công ty Việt Trang.

1. **Mục đích:**

Đánh giá đa dạng sinh học, xác định các giá trị bảo tồn cao và đề xuất kế hoạch quản lý các giá trị bảo tồn cao (nếu có) cho vùng rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 làm chứng chỉ FSC.

1. **Nhiệm vụ của tư vấn:**

* Tiến hành các cuộc phỏng vấn, tham vấn cộng đồng địa phương và các bên liên quan trong khu vực để xác định các giá trị bảo tồn cao.
* Thu thập và phân tích các số liệu về đa dạng sinh học (thành phần loại động thực vật quí hiếm).
* Tập hợp, phân tích, xử lý các số liệu từ khảo sát thực địa.
* Sử dụng phương pháp chuyên gia để phân tích đánh giá các giá trị cao (HCVs) theo nguyên tắc 9 của Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC của Việt Nam FSC-STD-VN-10 2017 VN, Phụ lục E và Bộ công cụ xác định Rừng có giá trị bảo tồn cao ở Việt Nam (WWF, 2008):
* **HCV 1:** Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị da dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm, bị de dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.
* **HCV 2:** Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên.
* **HCV 3:** Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Các hệ sinh thái, sinh cảnh hoặc nơi ẩn náu của các loài hiếm, bị đe dọa, hoặc nguy cấp.
* **HCV 4:** Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của vùng đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương.
* **HCV 5:** Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc thiểu số (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc người dân tộc.
* **HCV 6:** Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo/tâm linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc.
* Xác định vị trí, diện tích, ranh giới trên thực địa và xây dựng bản đồ các giá trị bảo tồn cao (nếu có).
* Đưa ra kế hoạch quản lý của mình nhằm đảm bảo sự bảo vệ hiệu quả các giá trị đó (nếu có).

1. **Phương pháp thực hiện:**

*4.1.Phương pháp tham khảo tài liệu thứ cấp:*

* Các báo cáo đánh giá đa dạng sinh học ở địa phương (nếu có).

*4.2.Phương pháp điều tra thực địa*

* Phỏng vấn cán bộ Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2, hộ dân tham gia nhóm và người dân sống xung quanh khu vực và các bên liên quan.
* Khảo sát đánh giá trên lâm phận của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 xem các giá trị bảo tồn cao có ý nghĩa về mặt sinh thái học (HCV 1, 2, 3, 4).
* Tham vấn cộng đồng dân cư các giá trị bảo tồn cao về mặt xã hội học (HCV 5, 6).

1. **Yêu cầu đối với tư vấn đánh giá:**

* Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Lâm nghiệp/quản lý tài nguyên/đa dạng sinh học
* Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm về khảo sát đa dạng sinh học, HCVFs.
* Hiểu biết về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng FSC đặc biệt là biết về khái niệm về HCVs trong tiêu chuẩn FSC.

1. **Sản phẩm bàn giao:**

* Viết báo cáo tổng hợp đánh giá đa dạng sinh học và xác định giá trị bảo tồn cao trong khu vực rừng trồng của chủ rừng và đưa ra các khuyến nghị để bảo vệ các giá trị bảo tồn cao đó (nếu có)
* Trong báo cáo kèm theo các bản đồ chỉ ra khu vực được xác định là khu vực có giá trị bảo tồn cao (nếu có).
* Trong báo cáo bao gồm các phụ lục lịch trình làm việc, bảng hỏi đã sử dụng, danh sách người tham gia, các loài động-thực vật nghi nhận được.

1. **Thời gian thực hiện:**

* Thời gian đánh giá tại hiện trường sẽ được thực hiện từ ngày 06-08 tháng 03 năm 2024.
* Thời gian viết báo cáo tuần 10-25 tháng 03 năm 2024.
* Phân bổ như sau:

Thu thập và rà soát tài liệu thứ cấp, chuẩn bị bảng hỏi, đề cương: 1,5 ngày

Khảo sát tại hiện trường, kể cả đi đường: 4,0 ngày

Viết báo cáo: 3,0 ngày.

## Phụ lục 2. Bảng hỏi đánh giá ĐDSH và giá trị bảo tồn cao tại Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2

**(**Dựa theo Bộ công cụ xác định Rừng có giá trị bảo tồn cao ở Việt Nam, WWF, 2008)

**HCV1: Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị da dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm, bị de dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.**

1.1: Các khu rừng đặc dụng:

*Khu rừng này có phải là rừng đặc dụng đã công nhận hoặc được đề xuất hay không?*

*Khu rừng này có liền kề với rừng đặc dụng không?*

*Khu rừng này có tính chất, đặc điểm tương tự như khu rừng đặc dụng liền kề không?*

**Kết luận:** Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

1.2: Các loài bị đe doạ và nguy cấp:

*Có nhiều loài được liệt kê trong danh sách các loài bị đe dọa và nguy cấp của Việt Nam được tìm thấy trong khu rừng này không?*

*Tại thời điểm này, khu rừng có được đánh giá là có tầm quan trọng về đa dạng sinh học không?*

*Rừng này có nằm trong khu vực trước đây được ghi nhận là có tầm quan trọng về đa dạng sinh học không?*

**Kết luận:** Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

1.3: Các loài đặc hữu:

*Có một loài đặc hữu hoặc cận đặc hữu bị đe dọa nào được ghi nhận ở khu rừng này không?*

*Khu rừng này có nằm trong vùng trước đây được nhận biết là có tính đặc hữu cao không?*

**Kết luận:** Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

1.4: Công dụng quan trọng theo thời gian:

*Có các nguồn thức ăn/ khu đất ngập nước/các quần xã di cư hiện hữu trong khu rừng này vào một số thời điểm hay thời gian nào không?*

*Có phải những tài nguyên này rất quan trọng đối với sự tồn tại của quần thể hay quần xã sinh học không?*

*Khu rừng này có phải nằm trong khu được đề xuất vào các phân hạng khác (đất ngập nước, bảo tồn biển, ...) trong hệ thống bảo tồn hay không?*

**Kết luận:** Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

**HVC2:** **Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên.**

2.1: Khu rừng này có phải là một phần của dải rừng liên tục không?

2.2: Toàn bộ khu rừng này có phải đang trong tình trạng gần như chưa bị tác động không?

2.3: Toàn bộ tổ hợp rừng có rộng hơn 10.000 ha không?

2.4: Có một quần thể loài trọng yếu nào ở đó hay không?

**Kết luận:** Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

**HCV3: Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Các hệ sinh thái, sinh cảnh hoặc nơi ẩn náu của các loài hiếm, bị đe dọa, hoặc nguy cấp.**

3.1: Có kiểu rừng nào liệt kê dưới đây được tìm thấy tại khu rừng này không?

3.2: Kiểu rừng này có đặc trưng cho khu vực không?

**Kết luận:** Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

**HCV4: Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của vùng đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương.**

4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thuỷ lợi và thuỷ điện.

*Khu vực này có được xác định là rừng phòng hộ ở Việt Nam hay không?*

*Có tiểu khu nào trong phạm vi của lâm trường/công ty lâm nghiệp được quy định là rừng phòng hộ không?*

*Thôn/làng hoặc cộng đồng sinh sống gần khu rừng có sử dụng trên 90% nhu cầu nước cho sinh hoạt, tưới tiêu từ một hoặc vài nguồn trong khu rừng hay không?*

**Kết luận:** Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống sạt lở đất, lũ quét, xói mòn, gió bão, bồi lắng và phòng hộ ven biển.

*Diện tích rừng có được cộng đồng quy định là rừng phòng hộ hoặc được cộng đồng bảo vệ hay*

*không?*

*Diện tích rừng này có nằm trong khu vực hay xảy ra thiên tai (lũ, lũ quét, sạt lở đất, bão, sóng*

*biển dâng, cát bay, ...) không?*

*Thiên tai xảy ra tại khu vực có diện tích rừng có nghiêm trọng không?*

**Kết luận:** Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

**HCV 5: Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân dân tộc (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc người dân tộc.**

5.1: Có các cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần một khu rừng không?

5.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ không?

5.3: Những nhu cầu cơ bản có là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương không?

**Kết luận:** Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

**HCV 6: Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo/tâm linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc.**

6.1: Có cộng đồng nào sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng hay không?

6.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ hay không?

6.3: Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa hay không?

**Kết luận:** Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

## Phụ lục 3. Chương trình đánh giá HCV tại Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2

**Chương trình khảo sát đánh giá để xây dựng báo cáo chuyên đề Đánh giá ĐDSH và xác định giá trị bảo tồn cao (HCV)**

**Địa điểm:**

Thực hiện khảo sát thực địa tại 9/11 xã trong vùng thực hiện dự án Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 của Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương thuộc huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

**Thời gian:**

6-8/3/2024

**Nhóm đánh giá:**

* Ông Nguyễn Thế Cường – Chuyên gia đa dạng sinh học và HCV – Trưởng đoàn;
* Ông Lê Hữu Oánh - Chuyên gia HCV1, HCV2, HCV3;
* Ông Lê Đình Duy – Chuyên gia HCV4, HCV5, HCV6;
* Ông Lê Thiện Đức – Chuyên gia đa dạng sinh học và HCV – Rà soát, hiệu đính báo cáo.

**Thành phần Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương**

* Nhóm I: Nguyễn Trần Tình, Nguyễn Cảnh Minh
* Nhóm II: Lê Phùng Diệu, Nguyễn Xuân Hoan
* Nhóm III: Nguyễn Thọ Văn, Nguyễn Sỹ Tuấn
* **Đoàn đánh giá dự kiến chia làm 03 nhóm hiện trường cụ thể như sau:**
* **Nhóm I**: Nguyễn Thế Cường, Lê Thiện Đức.............................................................
* **Nhóm II:** Lê Hữu Oánh, ....................................................................
* **Nhóm III:** Lê Đình Duy, ...............................................................

**Lịch trình cụ thể:**

| **Nhóm** | **Ngày** | **Thời gian** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Toàn thể | 5/3 | 16h00 -17h00 | Họp với nhóm cán bộ của Công ty để giới thiệu về mục đích, nội dung đánh giá ĐDSH và HCV và chốt lịch trình cụ thể. | Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương |  |
| **Nhóm I** | 6/3 | 8h00-9h00 | Tham vấn đại diện UBND xã (Chủ tích/phó chủ tịch phụ trách, cán bộ lâm nghiệp xã, Kiểm lâm địa bàn) | UBND xã Thanh An | Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương chịu trách nhiệm liên hệ với xã, thôn để gặp đại diện UBND xã và các hộ dân tham vấn; Bố trí người đi cùng với nhóm tư vấn. Bố trí xe đưa đón Đoàn đi hiện trường |
| 9h00 -10h00 | Tham vấn người dân (đại diện 06 hộ dân - Lưu ý yếu tố về giới và dân tộc nếu có) |
| 10h00-11h30 | Khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm | Hiện trường rừng xã Thanh An |
| 13h-17h00 | Tiếp tục khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm |
| 7/3 | 8h00-9h00 | Tham vấn đại diện UBND xã (Chủ tích/phó chủ tịch phụ trách, cán bộ lâm nghiệp xã, Kiểm lâm địa bàn) | UBND xã Võ Liệt |
| 9h00 -10h00 | Tham vấn người dân (đại diện 06 hộ dân - Lưu ý yếu tố về giới và dân tộc nếu có) |
| 10h00-11h30 | Khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm | Hiện trường rừng xã Võ Liệt |
| 13h-17h00 | Tiếp tục khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm.  Khảo sát, đánh giá nhanh khu vực dự kiến đưa vào 10% |
| 8/3 | 8h00-9h00 | Tham vấn đại diện UBND xã (Chủ tích/phó chủ tịch phụ trách, cán bộ lâm nghiệp xã, Kiểm lâm địa bàn) | UBND xã Thanh Thịnh |
| 9h00 -10h00 | Tham vấn người dân (đại diện 06 hộ dân - Lưu ý yếu tố về giới và dân tộc nếu có) |
| 10h00-11h30 | Khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm | Hiện trường rừng xã Thanh Thịnh |
| 13h-17h00 | Tiếp tục khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm |
| **Nhóm II** | 6/3 | 8h00-9h00 | Tham vấn đại diện UBND xã (Chủ tích/phó chủ tịch phụ trách, cán bộ lâm nghiệp xã, Kiểm lâm địa bàn) | UBND xã Thanh Ngọc | Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương liên hệ với xã, thôn để gặp đại diện UBND xã và các hộ dân tham vấn; Bố trí người đi cùng với nhóm tư vấn. Bố trí xe đưa đón Đoàn đi hiện trường |
| 9h00 -10h00 | Tham vấn người dân (đại diện 06 hộ dân - Lưu ý yếu tố về giới và dân tộc nếu có) |
| 10h00-11h30 | Khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm | Hiện trường rừng xã Thanh Ngọc |
| 13h-17h00 | Tiếp tục khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm |
| 7/3 | 8h00-9h00 | Tham vấn đại diện UBND xã (Chủ tích/phó chủ tịch phụ trách, cán bộ lâm nghiệp xã, Kiểm lâm địa bàn) | UBND xã Thanh Liên |
| 9h00 -10h00 | Tham vấn người dân (đại diện 06 hộ dân - Lưu ý yếu tố về giới và dân tộc nếu có) |
| 10h00-11h30 | Khảo sát thực địa,Kiểm tra hiện trường rừng | Hiện trường rừng xã Thanh Liên |
| 13h-17h00 | Tiếp tục khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm.  Khảo sát, đánh giá nhanh khu vực dự kiến đưa vào 10% |
| 8/3 | 8h00-9h00 | Tham vấn đại diện UBND xã (Chủ tích/phó chủ tịch phụ trách, cán bộ lâm nghiệp xã, Kiểm lâm địa bàn) | UBND xã Thanh Nho |
| 9h00 -10h00 | Tham vấn người dân (đại diện 06 hộ dân - Lưu ý yếu tố về giới và dân tộc nếu có) |
| 10h00-11h30 | Khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm | Hiện trường rừng xã Thanh Nho |
| 13h-17h00 | Tiếp tục khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm |
| **Nhóm III** | 6/3 | 8h00-9h00 | Tham vấn đại diện UBND xã (Chủ tích/phó chủ tịch phụ trách, cán bộ lâm nghiệp xã, Kiểm lâm địa bàn) | UBND xã Thanh Mỹ | Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương chịu trách nhiệm liên hệ với xã, thôn để gặp đại diện UBND xã và các hộ dân tham vấn; Bố trí người đi cùng với nhóm tư vấn. Bố trí xe đưa đón Đoàn đi hiện trường |
| 9h00 -10h00 | Tham vấn người dân (đại diện 06 hộ dân - Lưu ý yếu tố về giới và dân tộc nếu có) |
| 10h00-11h30 | Khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm | Hiện trường rừng xã Thanh Mỹ |
| 13h-17h00 | Tiếp tục khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm |
| 7/3 | 8h00-9h00 | Tham vấn đại diện UBND xã (Chủ tích/phó chủ tịch phụ trách, cán bộ lâm nghiệp xã, Kiểm lâm địa bàn) | UBND xã Thanh Đức |
| 9h00 -10h00 | Tham vấn người dân (đại diện 06 hộ dân - Lưu ý yếu tố về giới và dân tộc nếu có) |
| 10h00-11h30 | Khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm | Hiện trường rừng xã Thanh Đức |
| 13h-17h00 | Tiếp tục khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm |
| 8/3 | 8h00-9h00 | Tham vấn đại diện UBND xã (Chủ tích/phó chủ tịch phụ trách, cán bộ lâm nghiệp xã, Kiểm lâm địa bàn) | UBND xã Hạnh Lâm |
| 9h00 -10h00 | Tham vấn người dân (đại diện 06 hộ dân - Lưu ý yếu tố về giới và dân tộc nếu có) |
| 10h00-11h30 | Khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm | Hiện trường rừng xã Hạnh Lâm |
| 13h-17h00 | Tiếp tục khảo sát thực địa, điều tra nhanh theo tuyến, điểm |

**Yêu Cầu Công ty Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương:**

* Liên hệ, Sắp xếp lịch trình với UBND các xã
* Sắp xếp bố trí các hộ dân đại diện để trao đổi, phỏng vấn
* Bố trí phương tiện đi lại tại hiện trường (03 xe oto cho 03 nhóm)
* Bố trí ít nhất 4 – 6 cán bộ đi tham gia đánh giá cùng đoàn để nắm được công việc.
* Bố trí ăn và nơi ở cho nhóm đánh giá.
* Đề xuất UBND xã cử cán bộ nắm rõ về hiện trường rừng tham gia dẫn đường đi hiện trường.

## Phụ lục 4. Danh sách các bên liên quan tham gia tham vấn và phỏng vấn

**Danh sách tham gia cuộc họp tham vấn các bên liên quan**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Địa chỉ** | **Chức vụ** | **Nam/nữ** |
| 1 | Lưu Công Hiệp | UBND xã Thanh Liên | PCT UBND xã | Nam |
| 2 | Nguyễn Thị Tâm | UBND xã Thanh Liên | Cán bộ Nông lâm | Nữ |
| 3 | Nguyễn Nha Trang | Hạt kiểm lâm huyện | Kiểm lâm địa bàn | Nam |
| 4 | Nguyễn Văn Tuế | UBND xã Thanh Liên | Cán bộ địa chính | Nam |
| 5 | Trịnh Văn Thưởng | UBND xã Thanh Ngọc | PCT UBND xã | Nam |
| 6 | Lê Thị Nga | UBND xã Thanh Ngọc | Cán bộ địa chính | Nữ |
| 7 | Nguyễn Văn Thông | Hạt kiểm lâm huyện | Kiểm lâm địa bàn | Nam |
| 8 | Nguyễn Văn Linh | UBND xã Thanh Thịnh | PCT UBND xã | Nam |
| 9 | Lê Minh Hiển | UBND xã Thanh Thịnh | PCT UBND xã | Nam |
| 10 | Nguyễn Bá Sơn | UBND xã Thanh Đức | PCT UBND xã | Nam |
| 11 | Võ Văn Anh | UBND xã Hạnh Lâm | PCT UBND xã | Nam |
| 12 | Hoàng Phạm Thọ | UBND xã Thanh Mỹ | PCT UBND xã | Nam |
| 13 | Nguyễn Thị Xuân | UBND xã Thanh Mỹ | Cán bộ Lâm nghiệp | Nam |
| 14 | Nguyễn Viết Chiến | UBND xã Thanh An | PCT UBND xã | Nam |
| 15 | Nguyễn Công Đức | UBND xã Thanh An | Cán bộ Lâm nghiệp | Nam |
| 16 | Trần Đình Truyền | UBND xã Thanh Nho | CT UBND xã | Nam |
| 17 | Trần Thanh Nam | UBND xã Thanh Nho | Cán bộ Lâm nghiệp | Nam |
| 18 | Trần Văn Kỳ | UBND xã Hạnh Lâm | Cán bộ Địa chính | Nam |
| 19 | Bùi Văn Hồng | UBND xã Hạnh Lâm | Cán bộ Lâm nghiệp | Nam |
| 20 | Lê Hữu Oánh | Clever forestry | Chuyên gia HCV | Nam |
| 21 | Nguyễn Thế Cường | Clever forestry | Chuyên gia HCV | Nam |
| 22 | Lê Thiện Đức | Clever forestry | Giám đốc | Nam |
| 23 | Lê Đình Duy | Clever forestry | Chuyên gia HCV | Nam |
| 24 | Lê Phùng Diệu | Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương | Trưởng nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2 | Nam |
| 25 | Nguyễn Thọ Văn | Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương | Phụ trách kỹ thuật | Nam |
| 26 | Nguyễn Xuân Hoan | Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương | Trưởng ban kiểm tra nhóm | Nam |
| 27 | Nguyễn Trần Tình | Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương |  | Nam |

**Danh sách nhưng người dân nhóm hộ chứng chỉ rừng tham gia phỏng vấn**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên** | **Thôn** | **Xã** | **Giới tính** | **Dân tộc** |
| 1 | Lê Công Thắng | Liên Minh | Thanh Liên | Nam | Kinh |
| 2 | Lê Thị Nhàn | Liên Đồng | Thanh Liên | Nữ | Kinh |
| 3 | Nguyễn Xuân Đạo | Liên Minh | Thanh Liên | Nam | Kinh |
| 4 | Nguyễn Đình Đường | Liên Đức | Thanh Liên | Nam | Kinh |
| 5 | Nguyễn Tú Sơn | Liên Minh | Thanh Liên | Nam | Kinh |
| 6 | Nguyễn Văn Cường | Liên Minh | Thanh Liên | Nam | Kinh |
| 7 | Lê Thanh Hòe | Yên Xuân | Thanh Ngọc | Nam | Kinh |
| 8 | Nguyễn Hữu Minh | Yên Xuân | Thanh Ngọc | Nam | Kinh |
| 9 | Võ Văn Sơn | Yên Xuân | Thanh Ngọc | Nam | Kinh |
| 10 | Nguyễn Công Quyết | Phú Quang | Thanh Ngọc | Nam | Kinh |
| 11 | Nguyễn Văn Nhật | Phú Quang | Thanh Ngọc | Nam | Kinh |
| 12 | Lê Ngọc Phú | Phú Quang | Thanh Ngọc | Nam | Kinh |
| 13 | Nguyễn Văn Quang | Sơn Thịnh | Thanh Thịnh | Nam | Kinh |
| 14 | Trần Văn Quang | Sơn Thịnh | Thanh Thịnh | Nam | Kinh |
| 15 | Lê Nguyên Sơn | Phong Thịnh | Thanh Thịnh | Nam | Kinh |
| 16 | Lê Văn Nghĩa | Trung Thịnh | Thanh Thịnh | Nam | Kinh |
| 17 | Phạm Xuân Hùng | Hòa Thịnh | Thanh Thịnh | Nam | Kinh |
| 18 | Nguyễn Thị Liệu | Trung Thịnh | Thanh Thịnh | Nữ | Kinh |
| 19 | Nguyễn Thị Mai | Đức Thịnh | Thanh Thịnh | Nữ | Kinh |
| 20 | Đặng Đức Huế | Đức Thịnh | Thanh Thịnh | Nam | Kinh |
| 21 | Lê Văn Sáu | Đức Thành | Thanh Thịnh | Nam | Kinh |
| 22 | Nguyễn Hữu Vinh | Xóm 3 | Hạnh Lâm | Nam | Kinh |
| 23 | Trần Văn Minh | Xóm 2 | Hạnh Lâm | Nam | Kinh |
| 24 | Nguyễn Quang Hào | Xóm 3 | Hạnh Lâm | Nam | Kinh |
| 25 | Lê Văn Sửu | Xóm 2 | Hạnh Lâm | Nam | Kinh |
| 26 | Phạm Văn Chiến | Mỹ Hưng | Thanh Mỹ | Nam | Kinh |
| 27 | Nguyễn Hữu Thanh | Mỹ Sơn | Thanh Mỹ | Nam | Kinh |
| 28 | Nguyễn Văn Lam | Mỹ Sơn | Thanh Mỹ | Nam | Kinh |
| 29 | Trần Đình Trung | Mỹ Sơn | Thanh Mỹ | Nam | Kinh |
| 30 | Trịnh Bá Dũng | An Hòa | Thanh An | Nam | Kinh |
| 31 | Nguyễn Thị Hà | An Hòa | Thanh An | Nữ | Kinh |
| 32 | Nguyễn Đình Bảy | An Hòa | Thanh An | Nam | Kinh |
| 33 | Nguyễn Văn Dũng | An Ngọc | Thanh An | Nam | Kinh |
| 34 | Nguyễn Danh Hương | An Ngọc | Thanh An | Nam | Kinh |
| 35 | Trần Văn Phát | An Ngọc | Thanh An | Nam | Kinh |
| 36 | Nguyễn Thị Hà | Nho Tân | Thanh Nho | Nữ | Kinh |
| 37 | Trần Văn Đức | Nho Xuân | Thanh Nho | Nam | Kinh |
| 38 | Lê Thị Tư | Nho Xuân | Thanh Nho | Nam | Kinh |
| 39 | Hồ Sỹ Cương | Nho Liên | Thanh Nho | Nam | Kinh |
| 40 | Phạm Văn Lợi | Nho Liên | Thanh Nho | Nam | Kinh |
| 41 | Phạm Văn Tường | Nho Liên | Thanh Nho | Nam | Kinh |
| 42 | Phạm Văn Mai | Hà Lương | Võ Liệt | Nam | Kinh |
| 43 | Dương Thanh Sơn | Hà Lương | Võ Liệt | Nam | Kinh |
| 44 | Phạm Duy Hùng | Hòa Sơn | Võ Liệt | Nam | Kinh |
| 45 | Hoàng Văn Chiến | Hòa Sơn | Võ Liệt | Nam | Kinh |
| 46 | Hoàng Văn Hợi | Hòa Sơn | Võ Liệt | Nam | Kinh |
| 47 | Phan Duy Tịnh | Hòa Sơn | Võ Liệt | Nam | Kinh |
|  |  |  |  |  |  |

## Phụ lục 5. Một số loài nguy cấp, thông thường và có thể hiếm gặp tại rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương số 2

Phỏng vấn với người dân địa phương, cán bộ xã, cán bộ nhóm hộ chứng chỉ rừng, cán bộ Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương và cán bộ kiểm lâm địa bàn, chúng tôi sơ bộ đưa ra danh sách một số loài động thực vật quý hiếm, thông thường như bảng sau:

| **STT** | **Tên Latin** | **Tên thường gọi** | **Hiện trạng ghi nhận qua phỏng vấn (PV) và quan sát (QS)** | | | | | | | | | **Tình trạng bảo tồn/bảo vệ** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xã**  **Thanh An** | **Xã**  **Võ Liệt** | **Xã**  **Thanh Thịnh** | **Xã**  **Thanh Ngọc** | **Xã**  **Thanh Liên** | **Xã**  **Thanh Nho** | **Xã**  **Thanh Mỹ** | **Xã**  **Thanh Đức** | **Xã**  **Hạnh Lâm** | **Sách đỏ Việt Nam 2007** | **Danh lục đỏ IUCN** | **Nghị định 06 2019 và NĐ 84 2021** |
| **I** | **1. Linh Trưởng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *1* | *Macaca mulatta* | Khỉ vàng |  |  |  | PV |  | PV |  |  |  |  |  | IIB |
| **II** | **2. Thú/thú nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | PV | CR | EN | IB |
| *1* | *Elephas maximus* | Voi châu á |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *2* | *Callosciurus erythraeus* | Sóc bụng đỏ | PV | PV |  | PV |  |  |  | PV | PV |  |  |  |
| *3* | *Ratufa sp.* | Sóc nâu |  |  | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |
| *4* | *Melogale moschata* | Chồn bạc má | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |
| 5 | *Martes flavicula* | Chồn vàng |  | PV | PV |  | PV |  | PV |  | PV |  |  |  |
| *6* | *Sus scrofa* | Lợn rừng |  |  |  |  | PV |  |  | PV |  |  |  |  |
| *7* | *Berylmys bowersi* | Chuột mốc |  |  |  | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |
| *8* | *Rattus sp.* | Chuột rừng |  | PV | PV |  | PV | PV |  |  |  |  |  |  |
| 9 | *Rhyzomys pruinosus* | Dúi | PV |  |  | PV | PV |  |  | PV | PV |  |  |  |
| 10 | *Muntiacus sp.* | Hoẵng |  |  | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | [*Felis bengalensis*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=1&ID=5560) | Mèo rừng |  |  |  |  | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **3. Chim** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *1* | *Pycnonotus jocosus* | Chào mào |  | PV |  | PV | PV | PV | PV, QS | PV, QS | PV |  |  |  |
| *2* | *Urocissa erythroryncha* | Phượng hoàng đất/Giẻ cùi |  | PV |  |  |  | PV |  |  |  |  |  |  |
| *3* | *Centropus sinesis* | Bìm bịp lớn |  | PV |  | PV |  |  |  |  | PV |  |  |  |
| *4* | *Centropus bengalensis* | Bìm bịp nhỏ | PV |  |  | PV | PV | PV | PV, QS | PV | PV |  |  |  |
| *5* | *Gallus gallus* | Gà rừng | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |
| *6* | *Accipiter sp.* | Diều hâu | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| *7* | *Otus sp.* | Cú mèo |  |  | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| *8* | [*Ardea cinerea*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=1&ID=5185) | Diệc xám |  |  | PV | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |
| *9* | *Corvus sp.* | Quạ | PV | PV | PV |  | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| *10* | *Copsychus saularis* | Chích chòe than |  |  |  | PV | PV | PV |  | QS | PV |  |  |  |
| *11* | *Copsychus malabaricus* | Chích chòe lửa |  |  |  | PV | PV |  |  |  | PV |  |  |  |
| *12* | *Passer domesticus* | Chim Sẻ |  |  |  | PV | PV | PV |  | PV |  |  |  |  |
| *13* | *Hirundinidae sp.* | Chim Én |  |  |  | PV |  |  | PV |  |  |  |  |  |
| *14* | *Garrulax chinensis* | Khướu bạc má |  | PV |  |  | PV |  | PV |  | PV |  |  |  |
| *15* | *Accipitridae sp.* | Đại Bàng |  |  |  |  | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| *16* | *Garrulax leucolophus* | Khướu mào trắng/khướu bông | PV |  | PV |  | PV |  | PV |  | PV |  |  |  |
| *17* | *Alcedo azurea* | Bói cá |  |  |  | QS | PV, QS | PV |  |  |  |  |  |  |
| *18* | *Anas platyrhynchos* | Le le |  |  |  | QS | PV, QS |  |  |  |  |  |  |  |
| *19* | *Anas poecilorhyncha* | Vịt trời |  |  |  | PV | PV |  |  | QS | PV |  |  |  |
| *20* | *Dicrurus macrocercus* | Chèo bẻo |  |  |  |  | PV |  | QS |  | PV |  |  |  |
| *21* | *Egretta garzetta* | Cò trắng | PV | PV | PV |  | PV | PV | PV | QS | PV |  |  |  |
| *22* | *Streptopelia chinensis* | Chim cu gáy |  | PV | PV |  | PV |  | QS | PV | PV |  |  |  |
| *23* | *Phaenicophaeus tristis* | Phướn |  | PV |  |  |  |  |  | QS |  |  |  |  |
| *24* | *Garrulax canorus* | Họa my |  | PV |  |  | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| *25* | *Amaurornis phoenicurus* | Chim cuốc |  |  | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| *26* | [*Endynamis scolopacea*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=1&ID=5448) | Tu hú |  |  |  | PV | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| *27* | *Falco sp.* | Chim cắt |  |  |  |  | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| *28* | [*Motacilla cinerea*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=1&ID=6086) | Chìa vôi |  |  |  | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **4. Bò Sát** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | [*Trioyx sinensis*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=1&ID=5080) | Ba ba trơn |  |  | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |
| *2* | *Naja naja* | Rắn hổ mang | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |
| *3* | *Ophiophagus hannah* | Rắn hổ mang chúa |  |  |  | PV | PV | PV |  | PV | PV |  |  | IB |
| *4* | *Ptyas mucosa* | Rắn hổ châu | PV |  |  | PV |  |  | PV | PV |  |  |  |  |
| *5* | *Ptyas korros* | Rắn ráo thường | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |
| *6* | *Bungarus fasciatus* | Rắn cạp nong | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |
| *7* | *Bungarus multicinctus* | Rắn cạp nia | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |
| *8* | *Python reticulatus* | Trăn gấm |  | PV |  | PV | PV |  | PV |  |  |  |  |  |
| *9* | *Coelognathus radiata* | Rắn sọc dưa |  |  | PV |  | PV |  | PV | PV | PV |  |  |  |
| *10* | *Vipera sp.* | Rắn lục | PV | PV |  | PV |  |  |  | PV | PV |  |  |  |
| *11* | *Rhabdophis subminiatus* | Rắn hoa cỏ |  |  |  | PV | PV | PV |  | PV |  |  |  |  |
| *12* | *Gekko gecko* | Tắc kè |  |  |  | PV | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| *13* | *Calotes versicolor* | Nhông rào |  |  |  | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |
| *14* | *Mabuya sp.* | Thằn lằn |  |  |  | PV, QS |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** | **5. Lưỡng Cư** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *1* | *Hoplobatrachus rugulosus* | Ếch đồng | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |
| *2* | *Fejervarya limnocharis* | Nghoé | PV |  | PV | PV, QS | PV, QS | PV |  |  |  |  |  |  |
| *3* | *Duttaphrynus melanostictus* | Cóc nhà | PV | PV | PV | PV, QS | PV, QS | PV | PV |  | PV |  |  |  |
| *4* | *Zhangixalus dennysi* | Ếch cây xanh | PV | PV | PV |  | PV |  |  | PV | PV |  |  |  |
| *5* | *Kaloula pulchra* | Ẽnh ương | PV |  |  | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |
| *6* | *Zhangixalus dennysi* | Chẫu | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  | PV |  |  |  |
| *7* | *Hyla simplex* | Nhái bén | PV |  | PV |  | PV | PV |  |  | PV |  |  |  |
| **VI** | **6. Cá** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *1* | *Anabas testudineus* | Cá rô đồng |  |  | PV |  | PV | PV |  |  |  |  |  |  |
| *2* | *Channa striata* | Cá chuối | PV |  | PV |  | PV | PV |  | PV | PV |  |  |  |
| *3* | *Oreochromis sp.* | Cá rô phi | PV | PV |  | PV, QS | PV | PV |  |  | PV |  |  |  |
| *4* | *Carassius gibelio* | Cá Diếc | PV | PV | PV |  | PV | PV | PV |  | PV |  |  |  |
| *5* | *Monopterus albus* | Lươn | PV |  | PV |  | PV | PV | PV | PV |  |  |  |  |
| 6 | *Wallago attu* | Cá Nheo | PV |  |  |  |  |  |  | PV |  |  |  |  |
| *7* | *Mastacembelus sp.* | Cá Trạch | PV | PV | PV |  | PV | PV | PV | PV | PV |  |  |  |
| *8* | *Cyprinus carpio* | Cá chép |  |  |  | PV+QS | PV |  | PV |  |  |  |  |  |
| *9* | *Aristichthys nobilis* | Cá mè |  |  |  |  |  |  | PV | PV | PV |  |  |  |
| *10* | *Chanodichthys leucisculus* | Cá mương |  |  |  | PV+QS |  |  | PV |  |  |  |  |  |
| *11* | *Labeo rohita* | Cá trôi |  |  |  |  |  |  |  | PV | PV |  |  |  |
| **VII** | **7. Thực Vật** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *1* | *Acacia mangium & A. aucuriformis* | Keo lai | PV, QS | PV, QS | PV, QS | PV, QS | PV, QS | PV, QS | PV, QS | PV, QS | PV, QS |  |  |  |
| *2* | *Canarium album* | Trám trắng |  |  |  | PV | PV |  |  | QS |  |  |  |  |
| *3* | *Litsea glutinosa* | Bời lời |  |  |  | PV |  |  | PV, QS |  |  |  |  |  |
| *4* | *Castanea sp.* | Dẻ |  |  |  |  | PV |  | PV |  |  |  |  |  |
| *5* | [*Macaranga denticulata*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=2&ID=2548) | Ba Soi |  |  |  |  | QS |  |  |  |  |  |  |  |
| *6* | *Mallotus barbatus* | Bùng Bục/Ba bét |  |  |  |  | PV | PV | PV |  | PV |  |  |  |
| *7* | *Ficus auriculata* | Vả |  |  |  | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |
| *8* | *Cratoxylum maingayi* | Thành Ngạnh |  | PV | PV | PV | PV |  | QS |  |  |  |  |  |
| *9* | *Rhodomyrtus tomentosa* | Sim |  |  |  | PV, QS | PV, QS | PV | QS |  | PV |  |  |  |
| *10* | *Rubus alceaefolius* | Mâm Xôi |  |  |  |  | PV, QS | PV |  |  |  |  |  |  |
| *11* | *B. tonkinensis* | Bồ Cu Vẽ |  |  |  |  | PV |  |  |  |  |  |  |  |
| *12* | *Melastoma sp* | Mua |  |  |  | PV, QS | PV, QS | PV | QS |  | PV |  |  |  |
| *13* | *Jasminum subtriplinerve* | Chè Vằng |  | PV |  | PV | PV |  | PV | PV | PV |  |  |  |
| *14* | *Ampelopsis cantoniensis* | Chè Dây |  | PV |  | PV | PV | PV |  | PV |  |  |  |  |
| *15* | *Solanum hainanense* | Cà Gai leo |  |  |  | PV | PV |  |  |  | PV |  |  |  |
| *16* | *Camellia sinensis* | Chè (Trà) |  |  |  | PV+QS | PV+QS | PV+QS | PV |  | PV |  |  |  |
| *17* | [*Knema lenta*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=2&ID=2233) | [Máu chó kính](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=2&ID=2233) | PV |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *18* | [*Fibraurea recisa*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=2&ID=3091) | Hoàng đằng | PV |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *19* | *Vatica sp* | Táu | PV |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *20* | [*Schefflera*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=2&ID=2144) *sp* | Chân chim |  | PV |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *21* | *Erythrophleum fordii* | Lim xanh | PV |  |  |  |  |  | PV |  |  |  |  |  |
| *22* | [*Heterosmilax gandichaudiana*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=2&ID=3445) | Khúc Khắc |  | PV |  |  | PV, QS |  |  |  |  |  |  |  |
| *23* | *Tetracera scandens* | Chạc chìu |  |  | PV |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *24* | [*Gelsemium elegans*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=2&ID=3654) | Lá ngón |  |  |  | PV |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *25* | [*Lonicera japonica*](https://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=2&ID=2566) | Kim Ngân |  |  |  | PV | PV | PV |  |  |  |  |  |  |
| *26* | *Calamus sp.* | Mây |  |  |  | PV |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *27* | *Pinus merkusii* | Thông nhựa |  |  |  |  |  |  | QS |  |  |  |  |  |
| *28* | *Eucalyptus camaldulensis* | Bạch đàn trắng |  |  |  |  |  |  | QS |  |  |  |  |  |
| *29* | *Endospermum chinense* | Vạng trứng |  |  |  |  |  |  |  | QS |  |  |  |  |
| *30* | *Canarium tramdenum* | Trám đen |  |  |  |  |  |  |  | QS | PV |  |  |  |
| *31* | *Manglietia conifera* | Mỡ |  |  |  |  |  |  |  | QS |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** CR: Cực kỳ nguy cấp; EN: Nguy cấp; VU: Sẽ nguy cấp; LR-NT: Ít nguy cấp; DD: Thiếu số liệu; N/E: Chưa đánh giá.

E: Đang nguy cấp; V: Sẽ nguy cấp; R: Hiếm; K: Biết không chính xác.

I: Nhóm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; II: Nhóm hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

## 

## Phụ lục 6: Một số hệ sinh thái rừng hiếm có, nguy cấp và đang bị đe dọa ở Việt Nam

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại rừng** | **Trạng thái rừng** |
| Rừng đỉnh và cận đỉnh (≥2600 m) | Rừng còn trong điều kiện tốt, diện tích rộng, ít tác động |
| Rừng núi cao (1500 – 2600 m) | Rừng còn trong điều kiện tốt, diện tích rộng, ít tác động |
| Rừng lá kim tự nhiên | Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động |
| Rừng trên núi đá vôi | Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động |
| Rừng ngập mặn | Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động |
| Cồn cát | Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động |
| Rừng thường xanh trên núi đất thấp | Trung bình, giàu, nguyên sinh |
| Rừng khộp | Trung bình, giàu, nguyên sinh |
| Đầm lầy nước ngọt | Trung bình, giàu, nguyên sinh |
| Rừng bán thường xanh | Rừng còn trong điều kiện tốt, diện tích rộng, ít tác động |

*Ghi chú:* *Các chỉ số đối với giá trị này ở Việt Nam chỉ có giá trị tham khảo.*

## Phụ lục 7: Tổng hợp các tuyến, điểm khảo sát hiện trường

| **TT** | **Thời gian** | **Địa điểm** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuyến/khu vực** | **Xã** | **Huyện** |
| 1 | 06/03/2024 | Khu rừng Keo hộ Đặng Minh Chưởng, hộ Nguyễn Công Tùng, Đền Bạch Y | Thanh Ngọc | Thanh Chương |
| Tiểu khu 996, Tiểu khu 978, Khe Man Tác | Thanh An |
| Khu rừng Keo hộ Trần Đình Chung, | Thanh Mỹ |
| Đền Chùa Sen, Đập Bang Nhượng | Thanh Ngọc |
| Khu rừng Đá Bạc, Khu rừng Đại Can | Thanh Mỹ |
| 2 | 07/03/2024 | Đập 11/10, Đập 32, Đập Bong Banh | Thanh Đức | Thanh Chương |
| Khu rừng Keo quanh Đập Khe Dẻ, Đập 19/5 | Thanh Đức |
| Khu rừng nhà bác Mại - Tiểu Khu Hồ Đá Bái, Tiểu khu 978S | Võ Liệt |
| Đình Võ Liệt, Đền Bạch Mã | Võ Liệt |
| Khu rừng Khe Lài, Rừng Đồng Nhộn | Thanh Đức |
| 3 | 08/03/2024 | Khu rừng Keo hộ Trần Ngọc Long, Bùi Hữu Kỷ | Thanh Nho | Thanh Chương |
| Khảo Sát tuyến rừng trồng tại xóm 1 và xóm 5 | Hạnh Lâm |
| Khu rừng Keo hộ Nguyễn Đức Sỹ | Thanh Thịnh |
| Đập Bàu Và | Thanh Nho |
| Đền Bà Chúa Yến | Hạnh Lâm |

## Phụ lục 8: Phiếu điều tra

Thời gian: *Ngày tháng 03 năm 2024*

Địa điểm: Tỉnh Nghệ An

Xã:……………………………………….;Huyện:……………………………………;

Tên nhóm được phỏng vấn/danh sách hộ phỏng vấn:.....................................................

1. Tên hộ phỏng vấn, diện tích tham gia, tên lô?:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên chủ hộ | Tham gia nhóm chứng chỉ (có/không)? | Diện tích tham gia (ha) | Thôn |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |

1. Gần đây có khu rừng đặc dụng hay khu đề xuất nào không?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................Có các loài động vật, thực vật nào xuất hiện ở khu vực rừng tham gia trong nhóm hộ?

| **Nhóm loài** | **Tên loài** |
| --- | --- |
| Thú |  |
| Chim |  |
| Bò sát |  |
| Lưỡng cư |  |
| Cá |  |
| Thực vật |  |

Loài nào được coi là nguy cấp?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................Có khu vực rừng nào là rừng tự nhiên liền kề ở đây?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................Có những loài nào/nhóm loài quý hiếm? Kể tên

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................Có hệ sinh thái tự nhiên quý hiếm, đặc trưng trong khu vực rừng trồng của nhóm hộ? Kể tên

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................Có diện tích rừng nào được xếp là rừng phòng hộ? Kể tên

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................Có diện tích rừng nào có ý nghĩa đáp ứng nhu cầu cơ bản đối với cộng động địa phương ở đây? Kể tên

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................Có diện tích rừng nào có ý nghĩa văn hoá, lịch sử, tôn giáo đối với cộng động địa phương ở đây? Kể tên

………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................

…………………………………………………………………………………………

***----------------XIN CẢM ƠN --------------***

**KHẢO SÁT HIỆN TRƯỜNG**

**Tuyến khảo sát:** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ghi nhận:

| **Nhóm loài** | **Tên loài** |
| --- | --- |
| Thú |  |
| Chim |  |
| Bò sát |  |
| Lưỡng cư |  |
| Cá |  |
| Thực vật |  |

**Tuyến khảo sát:** …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ghi nhận:

| **Nhóm loài** | **Tên loài** |
| --- | --- |
| Thú |  |
| Chim |  |
| Bò sát |  |
| Lưỡng cư |  |
| Cá |  |
| Thực vật |  |

**Tuyến khảo sát:** …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ghi nhận:

| **Nhóm loài** | **Tên loài** |
| --- | --- |
| Thú |  |
| Chim |  |
| Bò sát |  |
| Lưỡng cư |  |
| Cá |  |
| Thực vật |  |

1. **"Nhu cầu cơ bản"** là những yêu cầu đòi hỏi cho sự sống của cá nhân hay tập thể về mặt kinh tế hoặc tâm sinh lý. [↑](#footnote-ref-1)